

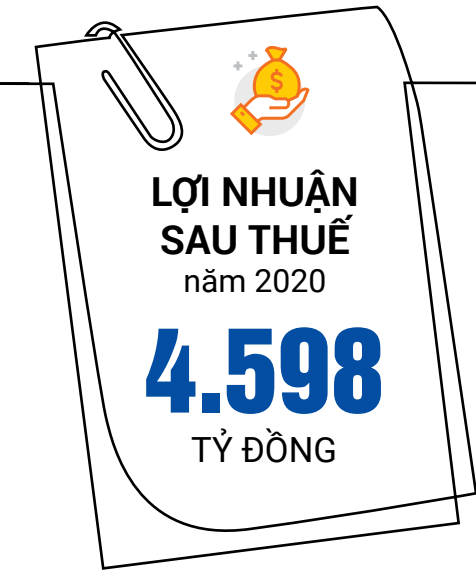
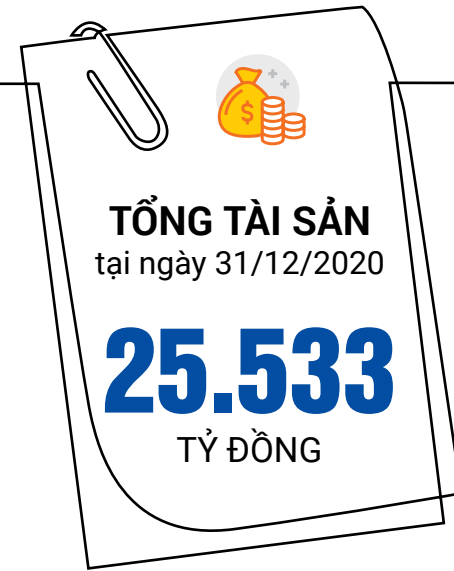


**CÙNG ĐẾN
NÚC NHÀ ĐÔNG DƯƠNG**

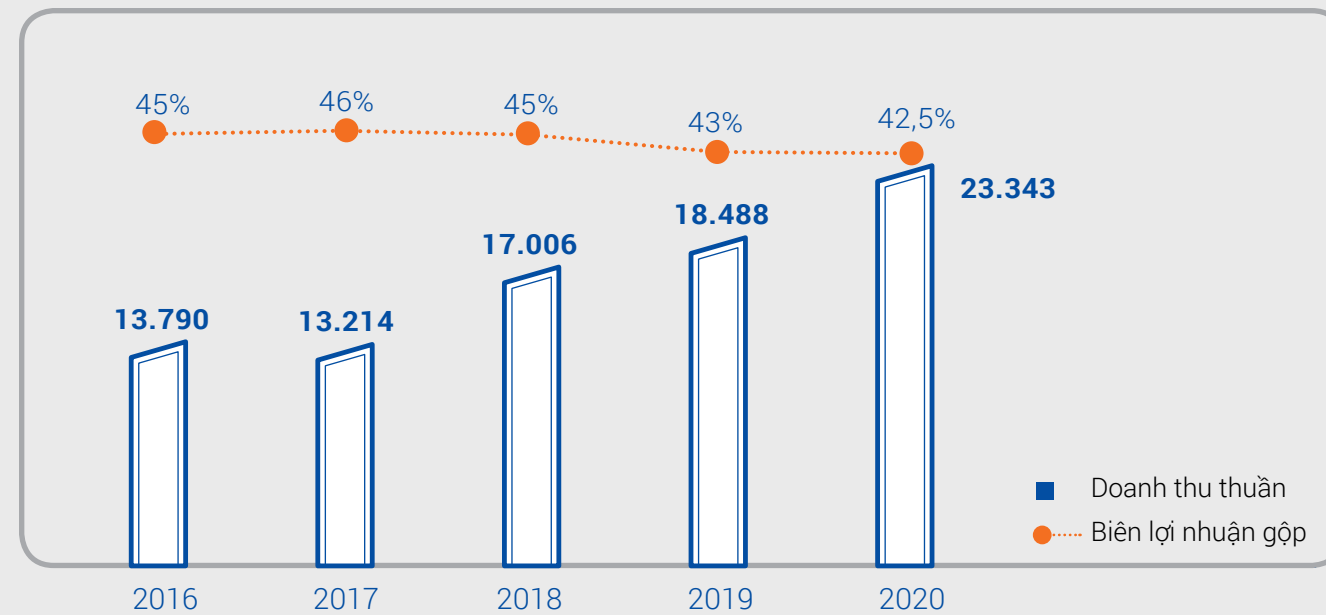
Báo Cáo Thường Niên 2020



BẢNG THÀNH TÍCH NĂM 2020



DOANH THU THUẦN (TỶ ĐỒNG) VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP (%)



MỤC LỤC

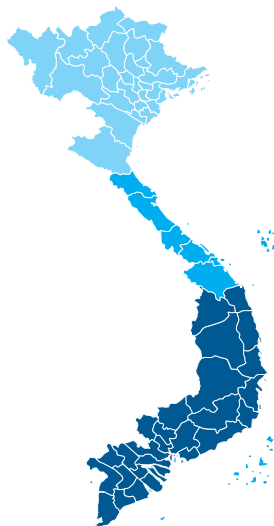
CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER	04
DOING WELL BY DOING GOOD	18
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	30
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	52
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	118

CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER





CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER



Chúng tôi cũng có mạng lưới phân phối rộng khắp Việt Nam, và kết quả là có 98% hộ gia đình Việt Nam có ít nhất một sản phẩm của Masan (Kantar Worldpanel).

Masan Consumer (“Công ty” và “Masan” và “MSC”) là một trong những công ty sản xuất thực phẩm và đồ uống hàng đầu Việt Nam và mới đây đã tham gia vào thị trường hàng chăm sóc cá nhân gia đình. Triết lý kinh doanh của Masan Consumer là “Hàng ngày, chúng ta nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng Việt Nam”. Chúng tôi luôn xem triết lý này là kim chỉ nam cho mọi hành động, luôn đặt người tiêu dùng làm trọng tâm. Từ đó, chúng tôi thực hiện giải pháp sáng tạo đột phá nhằm giải quyết nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng, mang lại các sản phẩm chất lượng và giá cả hợp lý đồng thời cũng đưa ra nhiều sản phẩm cao cấp để phục vụ người tiêu dùng khi Việt Nam đang ngày càng phát triển. Chúng tôi tin vào tiềm năng tiêu dùng của Việt Nam, đồng thời các nhu cầu của thị trường ngày càng tăng, phong cách sống và khẩu vị của người tiêu dùng cũng thay đổi. Chính niềm tin này đã theo chúng tôi trong hành trình phụng sự người tiêu dùng từ những ngày chập chững vào thị trường cho đến nay.

Chúng tôi cũng đã đặc biệt thành công khi phục vụ khu vực nông thôn, đó chính là nơi có gần 70% dân số Việt Nam đang sinh sống. Chúng tôi đang phát triển kênh bán lẻ hiện đại một cách nhanh nhất dựa trên tâm thế đồng hành cùng người tiêu dùng, những người đang có thu nhập tốt hơn và cuộc sống thành thị hóa hơn. Việc hiện diện muôn nơi cho tất cả mọi người là điều quan trọng đối với Masan vì một nửa chi tiêu của họ dành cho các mặt hàng tiêu dùng cơ bản như thịt, thực phẩm và đồ uống, trong khi các sản phẩm mà họ sử dụng chưa chắc

đảm bảo chất lượng. Chúng tôi muốn thay đổi thực trạng này và đáp ứng “các nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn” của người tiêu dùng bằng những sản phẩm đáng tin cậy. Đây cũng là cơ hội lớn cho sự tăng trưởng kinh doanh cũng như tạo ra giá trị dài hạn cho mọi người.

Với bề dày lịch sử và những thành tích đã đạt được, chúng tôi hoàn toàn có thể tự tin về khả năng phụng sự các nhu cầu lớn của người tiêu dùng. Được thành lập từ năm 1996, Masan Consumer đã nhanh chóng giữ vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống tại thị trường nội địa sau khi chuyển mình từ mô hình thuần xuất khẩu. Đến nay, Masan Consumer đã trở thành một Công ty có doanh thu tỷ đô với danh mục các thương hiệu sản phẩm đa dạng và đáng tin cậy trong lĩnh vực hàng tiêu dùng (“FMCG”). Sản phẩm của chúng tôi bao gồm nước tương, nước mắm, tương ớt, thực phẩm tiện lợi, cháo, xúc xích, cà phê hòa tan, ngũ cốc dinh dưỡng, nước uống đóng chai và các sản phẩm hóa mỹ phẩm - chăm sóc cá nhân và gia đình. Chúng tôi cũng có mạng lưới phân phối rộng khắp Việt Nam, và kết quả là có 98% hộ gia đình Việt Nam có ít nhất một sản phẩm của Masan (Kantar Worldpanel).

Năm 2020, chúng tôi đã tiếp tục phát triển danh mục sản phẩm của mình theo tiêu chí tốt cho sức khỏe, có nhiều đột phá sáng tạo, sản phẩm chất lượng cao với các mức giá khác nhau phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng.

TẦM NHÌN 2025

Chúng tôi muốn trở thành:



Công ty hàng tiêu dùng dẫn đầu Việt Nam xét về doanh số, lợi nhuận và sự nhận biết thương hiệu;



Đáp ứng nhu cầu hàng ngày của 100 triệu người tiêu dùng Việt Nam;



Điểm thu hút các nhân tài hàng đầu, và được công nhận là môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam; và là biểu tượng của chất lượng và niềm tự hào của người Việt.

MỤC TIÊU 2025



Masan Consumer có **12** nhãn hiệu đứng vị trí số **1** của các ngành hàng tiêu dùng khác nhau.



Tốc độ phát triển trung bình của doanh thu trong giai đoạn 2020-2025 đạt trên **20%**/năm.



Là **1** trong **3** nơi làm việc được ưa thích nhất Việt Nam vào năm 2025.



CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER

(TIẾP THEO)

HÀNH TRÌNH CỦA CHÚNG TÔI LÀ HÀNH TRÌNH CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG



CHIẾN LƯỢC THỰC THI ĐỘT PHÁ

Chiến lược thực thi của chúng tôi là:

- » Xây dựng các thương hiệu mạnh được người tiêu dùng yêu mến và tin cậy; là các nhãn hiệu được nhắc tới đầu tiên cho mỗi ngành hàng; là các nhãn hiệu dẫn dắt sự thay đổi của ngành hàng.
- » Đưa ra các phát kiến hiệu quả, tung ra các sản phẩm mới, thiết yếu, phù hợp với nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng. Dự kiến trong năm 2021, chúng ta sẽ giới thiệu ra thị trường khoảng 50 phát kiến mới phục vụ người tiêu dùng;
- » Đối với những ngành hàng mà chúng tôi đã dẫn đầu thị trường, chúng tôi khuyến khích người tiêu dùng sản phẩm phân khúc bình dân chuyển sang sử dụng các sản phẩm trung và cao cấp hơn thông qua những sáng kiến đổi mới giúp tăng giá trị sản phẩm;
- » Mạnh mẽ đầu tư về công nghệ và con người để đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới nhằm theo kịp xu thế thị trường, thị hiếu người tiêu dùng - kịp thời giới thiệu những sản phẩm mới đến với mọi tầng lớp người tiêu dùng Việt Nam;
- » Đẩy mạnh bao phủ và sự hiện diện sản phẩm trên toàn quốc thông qua hệ thống bán hàng. Xây dựng hệ thống phân phối của công ty thành biểu tượng sức mạnh hệ thống phân phối hàng tiêu dùng tại Việt Nam;
- » Nêu cao tôn chỉ 3A (Affordability, Availability và Assurance of Quality), nghĩa là Giá cả hợp lý, Tiếp cận được người tiêu dùng mọi lúc mọi nơi và Đảm bảo chất lượng. Thực hiện 2 trong 3 tôn chỉ này thì không quá khó khăn nhưng để thực hiện được cả 3 tôn chỉ này sẽ giúp cho Masan trở nên khác biệt;
- » Đẩy mạnh ngành hàng đồ uống nhằm đạt được mục tiêu doanh thu phân bố theo tỷ lệ 50% đóng góp từ đồ uống, 50% từ thực phẩm vào năm 2025; và
- » Trở thành nhà tuyển dụng hàng đầu và là nơi nuôi dưỡng và phát triển tài năng.



CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CHẶT CHẼ

Chúng tôi áp dụng chiến lược tài chính chặt chẽ, cụ thể là:

- » Chiến lược "Làm ít hơn nhưng phải lớn hơn", nhằm tập trung vào một số các cơ hội đầu tư giúp cải thiện cuộc sống của nhiều người và bảo toàn nguồn lực nhằm đầu tư dài hạn.
- » Tập trung vào các cơ hội đầu tư có thể mang lại biên lợi nhuận gộp 30%+, tạo điều kiện cho chúng tôi xây dựng thương hiệu mạnh và tạo ra những sản phẩm đột phá mang lại giá trị cho người tiêu dùng.
- » Chiến lược tập trung tối ưu nguồn lực tài chính vào đầu tư xây dựng thương hiệu để mang lại giá trị lâu dài cho doanh nghiệp.
- » Áp dụng mô hình "giao hàng thu tiền ngay", cho phép chúng tôi tối ưu hóa vị thế vốn lưu động và hỗ trợ tăng trưởng.

NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ

XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU MẠNH

Chúng tôi đã chuyển đổi nền tảng thực phẩm và đồ uống để trở thành công ty dẫn đầu thị trường trong các lĩnh vực hoạt động với các thương hiệu mạnh. Chúng tôi chọn cách tự phát triển hoặc mua lại các thương hiệu mạnh được khách hàng tin dùng, điều này nhất quán với chiến lược tập trung phục vụ các nhu cầu cơ bản hàng ngày của người tiêu dùng của chúng tôi. Nhờ đó, các sản phẩm gia vị và cà phê của chúng tôi đều là những sản phẩm dẫn đầu các thị trường. Trong khi đó, với ngành hàng mì ăn liền, chúng tôi chiếm vị trí số một trong phân khúc cao cấp. Ngành kinh doanh đồ uống của chúng tôi đang tăng trưởng nhanh nhờ vào thương hiệu mạnh trong phân khúc nước tăng lực.

Chúng tôi đã phát triển các thương hiệu mạnh bằng sự thấu hiểu sâu sắc người tiêu dùng Việt Nam, kết hợp với việc tiếp thu các mô hình hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia, từ đó tạo nên các sản phẩm không có đối thủ. Trong thị trường mà giá cả là nhân tố chi phối hành vi tiêu dùng, chúng tôi tự hào khi có thể chuyển đổi các sản phẩm trước đây vốn được xem là hàng hóa thông thường, thành những thương hiệu mạnh, giành được sự tin yêu của người tiêu dùng ở các phân khúc khác nhau và đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng Việt Nam.

Các thương hiệu chủ chốt của Masan Consumer gồm Chin-Su, Nam Ngự, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Heo Cao Bồi, Vinacafé, Wake-Up, Wake-Up 247, Compact Cherry, Vĩnh Hảo, Vivant, Lemona và Quang Hanh, trong đó có nhiều thương hiệu nhiều năm liền được bình chọn là nhãn hàng phát triển nhanh

nhất và được nhiều người tiêu dùng Việt tin dùng nhất. Công ty liên kết của chúng tôi, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex, được chúng tôi mua lại tỷ lệ cổ phần đáng kể vào cuối năm 2014, cũng có các thương hiệu nước chấm và gia vị nổi tiếng với sự hiện diện mạnh mẽ tại các kênh hàng quán. Nhìn chung, nhiều thương hiệu của chúng tôi là những mặt hàng bán chạy nhất trong các ngành hàng tương ứng và năm 2020, với việc mua Công ty Cổ Phần Bột Giặt NET ("NETCO"), chúng tôi rất hào hứng bắt tay vào chiến lược xây dựng thương hiệu mạnh cho ngành hàng mới này.

Trong năm 2020, Masan Consumer tự hào lần thứ 3 liên tiếp đứng đầu "Top 10 Công ty thực phẩm uy tín" theo Vietnam Report. Ngoài ra, Masan Consumer tiếp tục nằm trong Top 3 Nhà sản xuất sở hữu các thương hiệu được chọn mua nhiều nhất ở cả bốn vùng Thành thị và Nông thôn Việt Nam trong suốt 8 năm qua theo Bảng xếp hạng Brand Footprint của Kantar Worldpanel 2020.

Mảng kinh doanh cà phê của chúng tôi cũng giành được giải thưởng với Vinacafé Biên Hòa vinh hạnh là công ty có sản phẩm đạt "Thương hiệu quốc gia giai đoạn 2020-2022" do Hội Đồng Thương Hiệu Quốc Gia – Bộ Công Thương chứng nhận.

Tính đến cuối năm 2020, Masan Consumer sở hữu 5 thương hiệu với doanh thu trên 2.000 tỷ đồng, phản ánh khả năng xây dựng nên các thương hiệu mạnh trong các danh mục ngành hàng lớn.

Các thương hiệu có doanh thu trên 2.000 tỷ đồng trong năm 2020



CHIN-SU®

NGON HẢO HẠNG



VẠN MÓN NGON BÙNG VỊ!

NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ (TIẾP THEO)

SÁNG TẠO ĐỘT PHÁ – CHINH PHỤC ĐỈNH CAO

Năm 2020, đội ngũ R&D của Masan đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc với 29 phát kiến mới, tiếp tục góp phần mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm thực phẩm và đồ uống vượt trội. Điều này minh chứng cho khả năng sáng tạo, sức trẻ, lòng nhiệt huyết và đam mê của tập thể R&D để vươn đến những tầm cao mới, hướng đến mục tiêu chung của công ty và hướng đến người tiêu dùng.

Năm 2020 là năm có sự tăng trưởng vượt bậc của ngành Thực phẩm tiện lợi khi tung ra thị trường 16 sản phẩm với những

hương vị mới lạ đón đầu xu hướng tiêu dùng mới. Trong đó, nhãn hiệu Chin-Su Foods với bộ sản phẩm 7 món ăn sáng là một sáng tạo thú vị cung cấp sự chọn lựa đa dạng. Với thương hiệu Omachi, chúng tôi đã cho ra mắt Mì ăn liền Omachi 102 bò hầm cải chua, Omachi tôm càng riêu cua, Omachi tôm phun lửa như sự khẳng định về sức sáng tạo trong cách thức tạo sản phẩm mới của R&D. Trong các phân khúc kinh doanh chính của chúng tôi, dòng mì trung cấp Kokomi 90 cũng mang đến cho người tiêu dùng không chỉ sản phẩm ngon vượt trội mà còn có giá cả rất hợp lý. Ngành hàng thịt chế biến với thương



hiệu xúc xích Ponnice cũng đưa đến tay người tiêu dùng những hương vị mới như xúc xích Ponnice thịt phô mai và cá tuyết phô mai, góp phần làm phong phú thêm món ăn nhẹ.

Ngành hàng Nước giải khát và Thức uống dinh dưỡng đóng vai trò quan trọng trong sự tăng trưởng mạnh mẽ của Công ty. Năm 2020, chúng tôi cho ra mắt 7 sản phẩm mới ở các nhóm sản phẩm tăng lực và dinh dưỡng phục vụ cho nhu cầu của người tiêu dùng trẻ tuổi, cung cấp nguồn năng lượng cần thiết. Bên cạnh nhãn hiệu Wake-Up 247 đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường, các dòng nước tăng lực Compact Cherry, Hồ Vằn cũng từng bước khẳng định sức mạnh của sản phẩm. R&D cũng ra mắt những sản phẩm mới của ngành hàng thức uống dinh dưỡng với tiên phong là 2 sản phẩm sữa lúa mạch B'fast và nước yến nha đam Hari Hari. Đây là ngành hàng mới, được đánh giá mang tính chiến lược cao, sẽ được tập trung phát triển trong thời gian tới của công ty.

Trong năm 2020, ngành hàng gia vị - ngành hàng mà chúng tôi dẫn đầu thị phần với tỷ suất lợi nhuận vượt trội, tiếp tục phát triển và ra mắt 6 sản phẩm mới. Nước mắm cao cấp Chin-su Cá Cơm Biển Đông với cách thức tạo sản phẩm độc đáo, mang lại hương vị đậm đà chất Việt. Ngành hàng hạt nêm với đà tăng trưởng mạnh mẽ trong 2 năm qua đã tiếp tục giới thiệu ra thị trường "Hạt nêm Chin-su 25 dưỡng chất" với chiết xuất cô đặc từ xương hầm mang đến vị ngọt thanh cho món ăn. Tương ớt Chin-su cay gấp đôi đã thực sự đáp ứng được nhu cầu nhóm người tiêu dùng thích trải nghiệm ăn cay. Không chỉ cay mà còn rất ngon, dòng sản phẩm này sẽ không những phục vụ trong nước mà còn vươn xa vì đáp ứng được chuẩn mực khẩu vị cay của các nước trên thế giới.



Để có được những thành công vượt trội này, trong năm 2020 chúng tôi đã đẩy mạnh việc chuyên nghiệp hoá tổ chức R&D thông qua việc xây dựng thành công bộ phận CTI (Consumer Technical Insight), góp phần nâng cao tỉ lệ thành công cho các phát kiến mới. Đây là nơi rèn các vũ khí sắc bén cho Chiến binh khi ra trận - chính là các công cụ hiện đại được áp dụng trong các tổ chức R&D trên thế giới trong việc tìm kiếm sản phẩm lý tưởng mà người tiêu dùng mong chờ, từ đó có thiết kế sản phẩm độc đáo, vượt trội. 2020 cũng là năm thành công của chúng tôi với các dự án nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, tạo ra các công nghệ mang tính đột phá, là nền tảng cho bước phát triển vững chắc cho 5-10 năm tiếp theo. Chúng tôi cũng luôn tập trung cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa có nền tảng chuyên môn vững chắc và tinh thần Chiến binh sẵn sàng phụng sự người tiêu dùng với khát khao Chiến thắng.

Năm 2021, Masan Consumer tin tưởng sẽ tiếp tục thành công hơn nữa, trong đó R&D luôn là trụ cột dẫn dắt các phát kiến mới nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.



NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ (TIẾP THEO)



HIỆN DIỆN MUÔN NƠI CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

Masan Consumer vận hành một trong những mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam. Điều này mang lại lợi thế cạnh tranh đáng kể, như khả năng cung cấp hàng hóa cho người tiêu dùng một cách hiệu quả trong khi giảm được chi phí vận chuyển. Điều này rất quan trọng vì gần 70% dân số Việt Nam hiện sinh sống ở vùng nông thôn và ngành bán lẻ vẫn phụ thuộc chủ yếu vào kênh bán hàng truyền thống. Trong năm 2020 người tiêu dùng có sự chuyển đổi lớn từ kênh bán hàng truyền thống sang kênh bán hàng hiện đại. Điều này thể hiện rõ do tình hình đại dịch COVID-19 xảy ra đồng thời cũng do xu thế đô thị hóa tại các vùng nông thôn. Chúng tôi tin rằng chúng tôi đã định vị đúng để có được lợi thế từ xu hướng tiêu dùng này vì chúng tôi là một phần của The CrownX Corporation, nền tảng bán lẻ - tiêu dùng của Tập đoàn Masan. CrownX là chủ sở hữu của một trong những nhà bán lẻ hiện đại và lớn nhất Việt Nam, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce ("VCM", đơn vị điều hành hệ thống siêu thị VinMart và các cửa hàng nhỏ VinMart+). Chúng tôi không mong đợi nhận được bất kỳ lợi thế thương mại nào, nhưng chúng tôi có được sự tiếp cận người tiêu dùng mọi lúc mọi nơi và củng cố chiến lược tăng thị phần trong kênh bán hàng hiện đại.

Masan Consumer hiện là một trong số ít các công ty ở Việt Nam sở hữu hệ thống phân phối cho cả ngành thực phẩm lẫn đồ uống. Chúng tôi đã phát triển các điểm bán lẻ lên đến gần 180.000 cho sản phẩm thực phẩm và 160.000 cho sản phẩm đồ uống với gần 3.000 nhân viên bán hàng. Mạng lưới rộng lớn này cho thấy sức mạnh của mạng lưới phân phối của chúng tôi ở vùng nông thôn, nơi chúng tôi có chiến lược bao phủ và tiếp cận thị trường mạnh mẽ nhất, và đồng thời giúp chúng tôi có được tốc độ tiếp cận thị trường nhanh hơn khi tung ra các sản phẩm mới và các chương trình khuyến mãi.

Sau khi gia nhập ngành hàng đồ uống, chúng tôi đã tích hợp hệ thống phân phối của Vĩnh Hảo và Vinacafé Biên Hòa vào hệ thống phân phối rộng lớn hơn của chúng tôi. Từ tháng 8/2020 chúng tôi đã tích hợp và thành lập đội ngũ bán hàng cho tất cả các sản phẩm của Masan Consumer, không tách riêng ngành đồ uống hoặc ngành thực phẩm và từ tháng 2/2021 chúng tôi sẽ phát triển đội ngũ bán hàng cho các mặt hàng innovation với hơn



1.000 nhân viên. Nhờ vậy, chúng tôi có thể tung sản phẩm mới ra thị trường một cách hiệu quả hơn, đồng thời giải quyết được các vấn đề phân phối đặc thù của mảng kinh doanh đồ uống.

Với danh mục sản phẩm đa dạng và phong phú, chúng tôi trở thành giải pháp "một đầu mối" cho khoảng 196 nhà phân phối, 100 đại lý chuyên mặt hàng bia và 188 đại lý cho loại bình nước Vĩnh Hảo 20L để có thể đáp ứng các nhu cầu cơ bản hàng ngày của người tiêu dùng Việt Nam, cho phép chúng tôi xây dựng mối quan hệ lâu dài và thân thiết với các nhà phân phối. Hơn nữa, 8 trung tâm phân phối của chúng tôi được đặt ở những địa điểm chiến lược có khả năng phân phối các sản phẩm thực phẩm và đồ uống trong ngày đến từng nhà phân phối trên toàn quốc. Điều này cũng mang lại cho chúng tôi khả năng độc đáo trong việc thử nghiệm các sản phẩm mới một cách hiệu quả và tiết kiệm chi phí trên khắp Việt Nam. Đồng thời, chúng tôi cũng có thể tận dụng các trung tâm phân phối này trong việc phát triển ngành hàng mới - ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình.

Với sự sáp nhập của VCM vào công ty mẹ Masan Consumer Holdings để thành lập The CrownX Corporation, chúng tôi hiện là một phần của nền tảng bán lẻ tiêu dùng với hơn 2.000 cửa hàng. Chúng tôi không mong đợi nhận được bất kỳ lợi thế thương mại đặc biệt nào so với các công ty FMCG khác trên thị trường vì chúng tôi tin rằng điều quan trọng là sản phẩm của chúng tôi có thể tự mình đứng vững và chiến thắng. Tuy nhiên, ít nhất chúng tôi có thể đảm bảo sản phẩm của chúng tôi luôn có mặt tại tất cả các kênh phân phối, hiểu rõ hơn về người tiêu dùng để phục vụ người tiêu dùng tốt hơn.



NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐẲNG CẤP THẾ GIỚI



Đến cuối năm 2020, chúng tôi hiện đang vận hành tổng cộng 15 nhà máy sản xuất ở các địa điểm chiến lược tại 10 tỉnh thành trên cả nước.

Chúng tôi tin rằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển thương hiệu và thu hút người tiêu dùng. Niềm tin này thúc đẩy Masan Consumer không ngừng nghiên cứu, đầu tư và áp dụng các công nghệ và thiết bị hiện đại, tiên tiến để đáp ứng nhu cầu sản xuất, duy trì lợi thế cạnh tranh đồng thời cung ứng những sản phẩm có chất lượng vượt trội cho người tiêu dùng Việt Nam.

Đến cuối năm 2020, chúng tôi đã vận hành tổng cộng 15 nhà máy sản xuất ở các địa điểm chiến lược tại 10 tỉnh thành trên cả nước, gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Phú

Quốc, Hậu Giang, Bình Thuận, Ninh Thuận, Nghệ An, Hải Dương, Quảng Ninh. Những nhà máy này được xây dựng gần các trung tâm dân cư đã giúp chúng tôi thiết lập mạng lưới sản xuất và cung ứng sản phẩm kịp thời với thời gian nhanh nhất, chi phí rẻ nhất tới tay người tiêu dùng mà vẫn đáp ứng được tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Năm 2020 là một năm đầy thách thức do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Tuy vậy, với sự nỗ lực của toàn thể ban lãnh đạo và tập thể nhân viên, Masan Consumer đã biến giai đoạn thách thức thành cơ hội. Trong thời điểm nhu cầu của người tiêu dùng

tăng đối với các sản phẩm, chúng tôi đã đẩy mạnh sản xuất để đạt được doanh thu thuần và lợi nhuận vượt bậc. Tại Nghệ An và Hậu Giang chúng tôi đã đầu tư thêm các dây chuyền mì (4 tại Nghệ An và 3 tại Hậu Giang) với công suất 18 triệu gói/tháng/dây chuyền và 3 dây chuyền phở (2 tại Nghệ An và 1 tại Hậu Giang) với công suất 3 triệu gói/tháng/dây chuyền. Các dây chuyền này sẽ bắt đầu được đưa vào vận hành trong Quý 1/2021.



NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ (TIẾP THEO)

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ “KIÊN ĐỊNH PHỤNG SỰ NGƯỜI TIÊU DÙNG”

Masan Consumer được lãnh đạo bởi các chuyên gia tài năng trong và ngoài nước, đã từng có thành tích trong việc xây dựng nền tảng kinh doanh bền vững và các thương hiệu mang tính biểu tượng tại các thị trường mới nổi. Nhiều lãnh đạo của chúng tôi cũng đồng thời là các cổ đông ủng hộ văn hóa doanh nhân với tinh thần “nói được làm được”. Để tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, Masan nỗ lực hết mình để trở thành nơi làm việc được yêu thích nhất Việt Nam, xây dựng văn hóa đam mê phụng sự người tiêu dùng và đặt người tiêu dùng làm trọng tâm.

Chúng tôi tin rằng tài sản quý giá nhất chính là con người. Chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên được thể hiện qua các chính sách lương, thưởng và phúc lợi xứng đáng. Chúng tôi tự hào là một trong những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, có tầm nhìn dài hạn nhằm thu hút những tài năng và là nơi làm việc khiến mọi nhân viên có thể xây đắp tương lai của họ. Sứ mệnh của chúng tôi không chỉ là cải thiện cuộc sống của người tiêu dùng mà còn xây dựng và phát triển thể hệ doanh nhân lãnh đạo tiếp theo. Để làm được điều này, Bộ phận Nhân sự của chúng tôi tập trung vào bốn lĩnh vực:

- » Xây dựng đội ngũ nhân sự mạnh và chuyên nghiệp nhằm phục vụ cho sự phát triển của Công ty tại thời điểm hiện tại và trong tương lai;
 - » Xây dựng chiến lược khen thưởng, đảm bảo sự nhất quán giữa mức thưởng với thành tích làm việc và cơ hội phát triển lâu dài. Chúng tôi muốn mọi nhân viên đóng góp vào thành công của Công ty sẽ nhận được thành quả tài chính tương xứng. Đó là lý do tại sao chúng tôi cam kết tạo mọi cơ hội cho mỗi cá nhân có điều kiện được đầu tư cho tương lai của mình;
 - » Xây dựng Hệ thống Quản trị Nhân sự đơn giản, dễ sử dụng và mang lại hiệu quả cao. Thông qua đó giúp nhân viên có thể tối ưu hóa năng lực và tiềm năng cá nhân, tập trung cho các hoạt động phát triển Công ty;
 - » Xây dựng văn hóa chiến thắng để các nhân tài có thể cùng nhau thành công khi phát triển năng lực lãnh đạo cũng như tinh thần chiến thắng.
- Năm 2020, Bộ phận Nhân sự đã đạt được những bước tiến sau:
- » Hoàn thiện và đạt kết quả tốt với mô hình “HR chuyên môn” và “HR phụ trách riêng cho từng bộ phận phòng ban” và đội ngũ nhân sự thực sự hiểu biết và chia sẻ cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - » Áp dụng hiệu quả quy trình “Đánh giá hiệu quả công việc” đồng nhất trong tất cả các phòng ban và công ty thành viên. Đã có 5.087 nhân viên trong toàn Công ty tham gia hoạt động “Đánh giá hiệu quả công việc” trong năm 2020 vừa qua;
 - » Tiếp tục tiến hành các hoạt động thu hút nhân tài từ bên ngoài tạo cơ hội việc làm cho người lao động; trong đó nổi bật có 21 nhân sự ở cấp quản lý từ các doanh nghiệp nổi tiếng khác trong thị trường (kể cả đa quốc gia và trong nước). Bên cạnh đó, chương trình “Doanh nhân trẻ Masan” tiếp tục được duy trì bằng việc tuyển dụng 12 nhân viên trẻ, có tiềm năng cao để đào tạo và phát triển cho đội ngũ lãnh đạo trong tương lai;
 - » Tiến hành việc đánh giá đội ngũ nhân viên và tìm ra các nhân tài nội bộ. Công ty đã thiết kế chương trình đào tạo, phát triển và nuôi dưỡng đội ngũ nhân tài này theo mô hình 70-20-10 để đảm bảo việc đào tạo đội ngũ kế cận và kế hoạch kế thừa cho các vị trí trọng yếu; Việc áp dụng mô hình trên đã tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên ngoài việc được trang bị các kỹ năng chuyên môn, còn được chia sẻ kinh nghiệm từ các quản lý trực tiếp cũng như cọ xát trên thực tế công việc. Trong năm 2020, đã có 292 nhân viên được đề bạt đáp ứng các yêu cầu công việc đặt ra;



- » Trong khuôn khổ chương trình “Kết nối với các trường Đại học”, chúng tôi đã đẩy mạnh việc tuyển dụng bằng cách trở thành cầu nối giữa thực tiễn kinh doanh của Công ty và định hướng nghề nghiệp của sinh viên. Chúng tôi không chỉ tận dụng chương trình này để quảng bá thương hiệu và hình ảnh Công ty mà còn tăng cường kết nối với sinh viên. Trong năm 2020, chúng tôi đã mở rộng quan hệ hợp tác chiến lược với 12 trường Đại học của Việt Nam. Trong đó, có nhiều hoạt động được liên kết tổ chức với các trường Đại học như Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện.
 - » Mong muốn góp phần đào tạo và phát triển thể hệ lãnh đạo trẻ của Việt Nam trong tương lai. Trong năm 2020, Masan đã tổ chức nhiều buổi “Career Talk – Định hướng nghề nghiệp” dành cho các sinh viên năm cuối đại học ngay tại các trường đại học như Đại học Bách Khoa, Đại học Ngoại thương, Đại học Luật... Trong chương trình, các quản lý cấp cao của công ty theo từng phòng ban với những chủ đề khác nhau đã chia sẻ, định hướng cho hơn 2.000 lượt sinh viên về những kiến thức chuyên môn và cả những trải nghiệm từ thực tế làm việc trong một môi trường năng động và phát triển như Masan;
 - » Năm 2020, chúng tôi tổ chức 103 khóa huấn luyện chuyên biệt với giáo trình được biên soạn gắn liền với thực tiễn và nhu cầu kinh doanh của Masan. Đã có gần 6.043 lượt học viên là lãnh đạo cao cấp, nhân tài và nhân viên thuộc tất cả các công ty trực thuộc Masan Consumer tham dự;
 - » Năm 2020, các khóa đào tạo nội bộ được đẩy mạnh với 48% tổng khóa học được dẫn dắt bởi Giảng viên nội bộ của công ty. Các chương trình tập trung phát triển xây dựng nên một đội ngũ kế thừa tiềm năng, giàu tinh thần quả cảm, đủ tự tin để đảm nhận những nhiệm vụ được giao.
- Masan Consumer cam kết trở thành nơi làm việc mà các tài năng luôn được nồng nhiệt chào đón và tạo điều kiện để phát huy tối đa tiềm năng của mình. Từ đó, Masan Consumer sẽ đạt được mục tiêu lâu dài một cách bền vững.



DOING WELL BY DOING GOOD

» Masan Consumer là một trong những doanh nghiệp FMCG hàng đầu tại Việt Nam. Cam kết của chúng tôi là hàng ngày, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng Việt với các sản phẩm giá cả hợp lý và có mặt tại mọi nơi.

Tên tinh thần đó, chúng tôi đã phấn đấu để trở thành một doanh nghiệp phát triển bền vững với mục tiêu đảm bảo các đối tác đều nhận được lợi ích từ hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Cũng như đối với các công ty khác của Tập đoàn Masan, công ty mẹ của chúng tôi, Masan Consumer cũng xác định phát triển bền vững là một phần không thể thiếu trong chiến lược của chúng tôi. Chúng tôi không những mang đến những nhu yếu phẩm mang lại giá trị cho người tiêu dùng mà còn đóng góp vào việc phát triển xã hội và bảo tồn môi trường.

PHÁT KIẾN MỚI



SẢN PHẨM ĐỘT PHÁ

Chúng tôi tin “Doing well by doing good” chính là tôn chỉ thôi thúc những con người có chung niềm tin theo đuổi sứ mệnh của mình. Tại Masan, “doing good” không chỉ đơn thuần là làm tròn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), mà là trách nhiệm của chúng tôi nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người Việt thông qua các sản phẩm và sáng kiến độc đáo.

Chúng tôi thường trăn trở: làm sao để người tiêu dùng Việt Nam chỉ phải trả một nửa chi phí cho những nhu cầu thiết yếu hàng ngày? Làm sao trẻ em vùng nông thôn được thưởng thức những sản phẩm tiện lợi đầy đủ dinh dưỡng như bạn bè trang lứa nơi thành thị? Làm sao để thu hẹp khoảng cách về năng suất và chất lượng sản phẩm của Việt Nam với thế giới?

Để tìm lời giải đáp cho những câu hỏi đó, chúng tôi đã không ngừng thách thức bản thân để mang đến những gì tốt nhất cho người tiêu dùng thông qua các sản phẩm đột phá thành công trên thị trường. Chúng tôi phát triển sản phẩm với quy mô lớn để mang lại giá thành hợp lý cho người tiêu dùng trong tất cả mọi phân khúc sản phẩm và đầu tư mạnh mẽ cho công nghệ mới.

Vui lòng xem thêm phần “Sáng tạo đột phá – Chinh phục đỉnh cao” để có thêm thông tin chi tiết.



QUẢN TRỊ THU MUA

Nguyên liệu sản xuất chính của Masan Consumer là những nguyên liệu thực phẩm và bao bì đóng gói. Các nguyên liệu chính được sử dụng trong sản xuất gồm bột mì, dầu ăn, cà phê, đường, nước mắm cốt, cá cơm, thịt tươi, rau củ quả tươi, rau củ sấy khô, đậu nành, nước khoáng, các hương liệu và các loại gia vị khác nhau. Ngoài ra, các loại bao bì đóng gói như chai nhựa, chai thủy tinh, thùng carton, nhãn giấy, tô/cốc giấy, màng phức hợp... cũng là các thành phần quan trọng trong chi phí sản xuất sản phẩm của chúng tôi.

Chi phí nguyên liệu nhập khẩu và nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu trong những năm qua chiếm khoảng 70% tổng chi phí nguyên vật liệu được sử dụng. Nhằm đảm bảo truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, chúng tôi có đầy đủ giấy chứng nhận xuất xứ, phân tích, kiểm dịch, chứng nhận nguyên liệu có nguồn gốc từ thực vật không biến đổi gene; các nhà cung cấp trong nước cần có hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động vật và các phương pháp canh tác nông nghiệp tốt. Các nhà cung cấp đạt chất lượng trong thời gian dài sẽ được đánh giá là “nhà cung cấp đã được phê duyệt” và sẽ được cam kết hợp tác theo hợp đồng hàng năm.



Masan Consumer tin rằng với một mạng lưới các đối tác, nhà cung cấp chiến lược nội địa, khu vực và toàn cầu đảm bảo công ty không phụ thuộc vào bất kỳ một nhà cung cấp nào theo yêu cầu của mình. Chất lượng và nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào ổn định là yếu tố bắt buộc để công ty có thể mang đến các sản phẩm có chất lượng cao nhất cho người tiêu dùng. Đây là một thách thức và cũng là trách nhiệm của Masan. Chúng tôi chỉ có thể đạt được kết quả tốt nhất khi tạo được mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp chiến lược theo nguyên tắc “cùng nhau chiến thắng” (“win-win”).



AN TOÀN LAO ĐỘNG

Nhân viên là tài sản quý giá nhất của chúng tôi. Chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên được thể hiện qua các chính sách an toàn lao động hiệu quả. Chúng tôi chịu trách nhiệm cung cấp cho nhân viên các thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh môi trường tốt để làm việc. Chúng tôi cũng thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ nhân viên về các hành vi phù hợp an toàn lao động cho bản thân và cho người khác, và áp dụng kiến thức này trong cuộc sống hàng ngày.

Trong năm 2020, chúng tôi đã tổ chức 32.444 giờ huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, PCCC, sơ cấp cứu...cho hơn 7.748 lượt nhân viên. Bên cạnh huấn luyện nâng cao tri thức các nhà máy của chúng tôi đã cải tiến nâng cấp thiết bị truyền động làm giảm tối đa nguy cơ mất an toàn cho tất cả các nhân viên.

Các nhà máy của chúng tôi đạt các tiêu chuẩn về sản xuất HACCP, ISO 9001 (Hệ thống quản lý chất lượng), ISO 22000 (Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm) và SA8000 (Chứng nhận hệ thống trách nhiệm xã hội), BRC, FSSC, HALAL, ISO 14001, ISO 45001 (Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe người lao động).

Tổ chức

 **32.444** GIỜ

Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, PCCC, sơ cấp cứu...cho hơn 7.748 lượt nhân viên


BỀN VỮNG VỀ NHÂN LỰC

 Những thành tựu của Masan đều được tạo nên từ tài sản quý giá nhất của công ty – Nguồn nhân lực.

Những thành tựu của Masan đều được tạo nên từ tài sản quý giá nhất của công ty – Nguồn nhân lực. Vì lẽ đó, chúng tôi cam kết thu hút và phát triển nhân tài, đồng thời đào tạo và truyền cảm hứng để họ cảm thấy tự hào khi là một thành viên của cộng đồng Masan. Chúng tôi tạo ra một môi trường làm việc công bằng và bình đẳng để duy trì một văn hóa công ty thúc đẩy thành công.

Với mục tiêu đó, chúng tôi tự hào trở thành một trong những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam. Mục tiêu nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người Việt Nam, bên cạnh sứ mệnh phụng sự người tiêu dùng, còn hướng đến những nhân viên nội bộ của chúng tôi. Chúng tôi tạo ra môi trường lao động hấp dẫn, tạo cơ hội việc làm, đóng góp vào sự phát triển chung về an sinh xã hội tại các địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Tính đến hết ngày 31/12/2020, Masan Consumer có 5.575 cán bộ công nhân viên, gồm 3.585 nam (64%) và 1.990 nữ (36%) và đội ngũ này được đào tạo bài bản và có trình độ chuyên môn cao.


5.575 CB.CNV









3.585 NAM

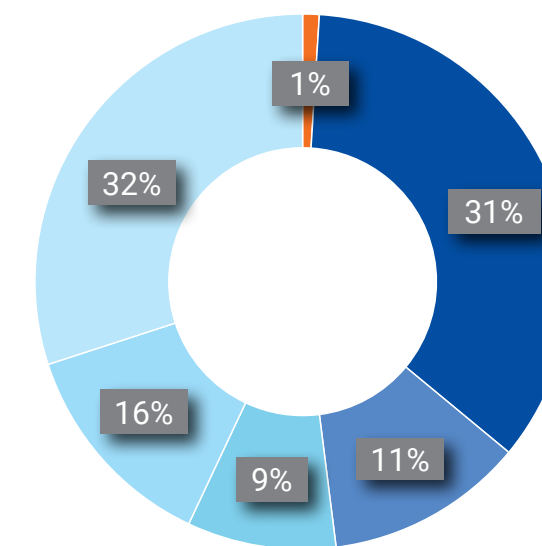


1.990 NỮ



Tình hình nhân sự của Masan Consumer phân theo trình độ như sau:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
 Trên Đại học	47	1%
 Đại học	1.736	31%
 Cao đẳng	625	11%
 Trung cấp	489	9%
 PTTH	884	16%
 PTCS	1.749	32%



Ghi chú: Tỷ lệ nhân viên có trình độ học vấn từ Trung cấp trở xuống phần lớn bao gồm lao động trực tiếp của các nhà máy, kho hàng, lái xe, tạp vụ.



BỀN VỮNG VỀ NHÂN LỰC (TIẾP THEO)

15 NHÀ MÁY



Chính sách nhân sự của chúng tôi luôn ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương và thường xuyên đào tạo đội ngũ nhân sự để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của ngành.



Chính sách nhân sự của chúng tôi tuân thủ các quy định trong Bộ luật Lao động nhằm tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên:

» Chế độ làm việc và đảm bảo việc làm

Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển Doanh nghiệp, mở rộng thị phần của Công ty. Masan Consumer tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện để nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp. Để giải quyết việc làm cho gần 5.500 lao động, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tìm cách đa dạng hóa ngành nghề, tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, những đối tác mới trong và ngoài nước, mở rộng thị trường kinh doanh.

» Nghỉ phép, lễ, Tết

Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc đủ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm;

» Điều kiện làm việc

Các văn phòng của Masan Consumer được thường xuyên mở rộng và nâng cấp với trang thiết bị hiện đại và trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động. Công ty cam kết tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện cho tất cả nhân viên để khuyến khích năng suất và sáng tạo.

» Chế độ lương

Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty. Masan thực hiện xem xét điều chỉnh lương cho CBCNV hàng năm và luôn có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

» Chế độ thưởng

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực hàng năm cho cá nhân và khen thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc. Công ty thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời cho việc đóng góp tạo ra giá trị, nâng cao hiệu quả trong công việc, phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh cho Công ty. Công ty đã ban hành chính sách thưởng bằng cổ phiếu cho các cá nhân xuất sắc, có đóng góp đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

» Bảo hiểm và phúc lợi

Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV của Công ty. Với CBCNV cấp chuyên viên trở lên, Công ty còn mua thêm Bảo hiểm sức khỏe nhằm chăm sóc sức khỏe của nhân viên thông qua hệ thống bệnh viện trong nước và quốc tế hàng đầu tại Việt Nam. Đặc biệt, trước những thách thức mà Việt Nam phải đối mặt trong năm 2020, Masan Consumer đã cung cấp các gói hỗ trợ với tổng giá trị gần 3 tỷ đồng, để hỗ trợ những nhân viên bị ảnh hưởng bởi COVID-19, bao gồm cấp khẩu trang, dung dịch rửa tay sát khuẩn và Vitamin C cho toàn bộ nhân viên cũng như hỗ trợ các nhân viên tại khu vực ảnh hưởng của bão lũ miền Trung.



» Chính sách xây dựng và phát triển nguồn nhân lực

Chúng tôi áp dụng các chính sách tốt nhất giúp Công ty luôn thu hút và giữ được các nhân sự.

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Tuy vậy, tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, năng lực, tinh thần làm chủ, học hỏi, sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác, khả năng lãnh đạo, tinh thần doanh nhân... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời sự đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

Đào tạo: Masan Consumer luôn luôn ý thức rằng con người là tài sản quý giá của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty đài thọ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập.

Giữ gìn nhân tài: Chiến lược nhân tài của chúng tôi rất rõ ràng, bao gồm: Công ty cho nhân viên được trải nghiệm và lãnh đạo, đánh giá nhân viên theo năng lực thực tế, thường xuyên đào tạo kỹ năng chuyên môn lẫn kỹ năng mềm và đảm bảo chất lượng cuộc sống của nhân viên. Chúng tôi còn có các kế hoạch huấn luyện dài hạn nhằm chuẩn bị hành trang cho các nhân viên giỏi trở thành những nhà lãnh đạo tương lai.



DOING WELL BY DOING GOOD (TIẾP THEO)

BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG



Chúng tôi hoàn toàn tự tin về việc tuân thủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam.

Tại Masan, chúng tôi luôn nghiêm túc đánh giá các tác động đến môi trường. Chúng tôi đảm bảo các cơ sở sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Do đó, các biện pháp xử lý chất thải và sử dụng tài nguyên bền vững là yêu cầu bắt buộc trong tất cả nhà máy chúng tôi. Khi bắt đầu lên kế hoạch cho bất kỳ dự án mới nào, chúng tôi luôn tính toán trước các ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, từ đó lên các phương án bảo vệ môi trường phù hợp trước khi thực hiện dự án.

Công việc kinh doanh của chúng tôi tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật Việt Nam và địa phương về môi trường, như thực hiện các biện pháp đánh giá, giám sát và bảo vệ môi trường, thường xuyên thực hiện quan trắc môi trường, kiểm định máy móc thiết bị nhà xưởng, phòng cháy chữa cháy và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra và báo cáo định kỳ. Trong quá trình sản xuất, nước thải vệ sinh và nước thải công nghiệp từ các nhà máy của chúng tôi được xử lý theo các quy định chặt chẽ trong nước và quốc tế. Để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành, chúng tôi đã lắp đặt các trang thiết bị bảo vệ môi trường, tái chế chất thải trong trường hợp có thể, bao gồm chất thải rắn, lỏng và khí.

Bộ phận Pháp chế và Tuân thủ của chúng tôi kết hợp với Bộ phận An toàn, Sức khỏe và Môi trường (SHE) có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường trên toàn quốc.

Ngoài ra, bộ phận kỹ thuật của từng công ty con của chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm mẫu chất thải định kỳ để giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Chúng tôi hoàn toàn tự tin về việc tuân thủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam. Ngoài ra, chúng tôi cũng đáp ứng được tất cả các quy định nghiêm ngặt từ các khách hàng quốc tế lẫn các đơn vị quản lý hàng hóa nhập khẩu ở nước ngoài.

Năm 2020, chúng tôi tập trung phát triển giải pháp kỹ thuật để không ngừng cải thiện các hệ thống xử lý nước xả thải tại đầu nguồn, đảm bảo kết quả kiểm định luôn đáp ứng năng lực vận hành của các Hệ Thống Xử Lý Nước Thải và tuân thủ pháp luật môi trường Việt Nam. Ngoài ra, tại các nhà máy chính của chúng tôi, 20% tổng diện tích khuôn viên được dành cho trồng cây xanh để đảm bảo nơi làm việc xanh – thân thiện môi trường.

Chúng tôi cũng chuyển đổi và cập nhật thành công hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe từ tiêu chuẩn ISO 18000 lên phiên bản mới ISO 45001 bên cạnh duy trì các tiêu chuẩn về môi trường ISO 14001 và nâng cao hiệu quả quản lý.

Do đó, chúng tôi tin rằng Công ty chúng tôi là doanh nghiệp hàng đầu trong nước về đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường trong ngành.



NGUỒN NƯỚC

Tại Masan, bảo vệ tài nguyên nước là một trong những vấn đề được ưu tiên. Chính sách sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước có trách nhiệm được chúng tôi thực hiện bằng cách áp dụng những giải pháp công nghệ tiên tiến, nhờ vậy, chúng tôi có thể quản lý nguồn nước hiệu quả hơn bao giờ hết.

Chúng tôi hướng đến mục tiêu xây dựng được hệ thống xử lý nước thải tốt nhất. Điều đó được chứng minh qua mức đầu tư lớn của chúng tôi vào các hệ thống xử lý nước thải và áp dụng các quy chuẩn khắt khe nhất để giám sát những tác động của hoạt động nhà máy đến môi trường xung quanh.

Chúng tôi đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải hiện đại do đối tác Hà Lan thiết kế tại các nhà máy ở Bình Dương, Hải Dương và Nghệ An. Tất cả các mẫu nước thải đầu ra đều đạt tiêu chuẩn loại A – tiêu chuẩn cao nhất Việt Nam.

Masan Consumer cũng là một trong những đơn vị tiên phong trong minh bạch hóa quy trình xử lý nước thải thông qua việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, báo cáo trực tiếp và liên tục với Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

Năm 2020, chúng tôi sử dụng trên 2,3 triệu m³ nước cho công nghiệp và dân sinh. Toàn bộ nước thải được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công nghệ cao, trong đó, khoảng 7% lượng nước thải của chúng tôi được tái sử dụng để tưới cây và vệ sinh nhà máy.



NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ TÁI TẠO

Môi trường toàn cầu đang chịu những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và một quốc gia có bờ biển trải dài như Việt Nam sẽ chịu những tác động bất lợi nhất. Chúng tôi cam kết giảm khí thải carbon thông qua việc tiết kiệm năng lượng và tối ưu hóa nguồn lực hiện có của chúng tôi.

Tại Masan Consumer, chúng tôi đã thực hiện chương trình “Ý tưởng tiết kiệm năng lượng” và đã đạt được những thành quả như sau:

- » Tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thiểu năng lượng tiêu thụ bằng cách như tận dụng nhiệt bị mất đi trong quá trình chiên và vô trùng sản phẩm, tránh sử dụng các quy trình làm thay đổi nhiệt, áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng.
- » Huấn luyện nhân viên về lợi ích của thói quen tiết kiệm điện bằng việc thường xuyên vệ sinh máy móc, dụng cụ nhằm đạt được thành phẩm đầu ra tốt nhất và giảm thiểu hư hỏng, tích cực sử dụng điện sản sinh từ tự nhiên hơn dùng máy phát điện, tiết kiệm nước và tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế.
- » Chúng tôi áp dụng công nghệ biogas từ trấu và mùn cưa để tạo năng lượng cho toàn bộ nhà máy. Đây là một nguồn năng lượng không những thân thiện với môi trường, chi phí thấp mà còn giúp tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương.

Trong năm 2020, chúng tôi đã sử dụng hơn 1,1 triệu tấn hơi từ việc đốt lò hơi chạy bằng dầu DO hoặc Biomass (từ mùn cưa, vỏ trấu...). Chúng tôi cũng đã tiêu thụ 102 triệu Kw điện. Chúng tôi tin rằng những sáng kiến trên giúp cho các nhà máy nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo vệ môi trường.



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



NÂNG CAO ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG

Tại Masan Consumer, chúng tôi tập trung vào các cơ hội phát triển con người, thúc đẩy những thay đổi tích cực trong xã hội và chia sẻ với tất cả các đối tác về giá trị của phát triển và tăng trưởng bền vững. Với mục đích đó, chúng tôi đã không ngừng đóng góp vào giáo dục, xây dựng nhà cửa và cơ sở hạ tầng, đào tạo và tư vấn cho cộng đồng.

Năm 2020, đại dịch COVID-19 toàn cầu đã làm ảnh hưởng đến mọi ngành kinh tế. Chính phủ nhiều nước trong đó có Việt Nam đã tung ra nhiều gói cứu trợ cũng như kêu gọi các tổ chức doanh nghiệp cùng chung tay hỗ trợ cộng đồng.

Hưởng ứng lời kêu gọi của chính phủ cũng như là trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, Masan Consumer đã tham gia đóng góp và thực hiện liên tục các chương trình cộng đồng hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn mau chóng khôi phục cuộc sống.



CHĂM LO SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Masan Consumer luôn tìm những cơ hội để nâng cao sức khỏe cộng đồng thông qua những hoạt động thiết thực và ý nghĩa.

Do tình hình biến đổi khí hậu, trong đó Việt Nam nói chung và khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Năm 2020, tại một số tỉnh miền Tây, hạn hán và xâm nhập mặn liên tục xảy ra, gây ảnh hưởng đến đời sống và kinh tế của người dân địa phương. Chia sẻ với khó khăn và cùng cộng đồng hỗ trợ các chương trình cho bà con địa phương, Masan Consumer đã trao tặng 4 hệ thống máy lọc nước cho 4 trường tiểu học và trung học cơ sở tại 2 tỉnh Hậu Giang (Phú Hữu 3 và Phú Hữu 4, Huyện Châu Thành) và Long An (Thạnh Hòa, Huyện Bến Lức) để thầy cô và các em học sinh có điều kiện sử dụng nguồn nước sạch đảm bảo an toàn vệ sinh.



CÁC HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN

Chương trình “Chung tay đẩy lùi đại dịch COVID-19” do Masan Consumer phối hợp với Hội Bảo vệ quyền trẻ em - Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục dạy nghề thanh thiếu niên TP.HCM đã trao tặng 10.000 suất ăn cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn và 300 phần quà hỗ trợ cho các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt từ ngày 20/4-26/4/2020 tại 08 địa điểm trên địa bàn các quận 3, 7, 8, 10, Tân Phú, Gò Vấp và hai huyện Bình Chánh, Nhà Bè của TP. Hồ Chí Minh

Do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhiều công nhân phải giảm giờ làm hay thậm chí mất việc làm, ảnh hưởng lớn đến thu nhập của họ. Công nhân trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh đa phần là người từ các tỉnh khác đến làm việc nên cuộc sống gặp không ít khó khăn trong thời gian này. 10.000 phần quà là 5 tấn gạo và các thực phẩm thiết yếu do Masan Consumer cùng Ban thường vụ Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh trao tặng nhằm hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Thêm vào đó, phối hợp với các cơ quan nhà nước như Bộ Y Tế, Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam cùng các địa phương nơi có các nhà máy của Masan đã tổ chức trao tặng hàng tấn hàng hóa gồm các thực phẩm thiết yếu như nước khoáng chanh Lemona C, Nước tăng lực Wake-Up 247, Xúc Xích dinh dưỡng cao cấp Ponnice và các loại mì cao cấp... đến các địa điểm chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của COVID-19 như cửa khẩu, sân bay, các đồn biên phòng, các bệnh viện, trung tâm cách ly...với tổng giá trị trên 6 tỷ đồng.

Công ty cũng phối hợp với Quỹ Sống, giúp đỡ 12 hộ khó khăn xây nhà chống lũ tại xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Vào tháng 7 năm 2020, miền Trung nước ta đã trải qua một loạt trận lũ lịch sử gây tàn phá khắp khu vực, tập trung chủ yếu ở Bắc Trung Bộ (Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế), một phần Nam Trung Bộ (Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên) và Bắc Tây Nguyên. Đợt lũ lụt này đã gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản. Việc vận chuyển hàng hóa trở nên khó khăn dẫn đến thiếu hụt các thực phẩm thiết yếu và nước uống. Masan Consumer đã nhanh chóng gửi một lượng hàng lớn đến các vùng bị thiệt hại đồng thời cùng tham gia với Quỹ Sống đóng góp 01 tỷ đồng để xây dựng 58 căn nhà chống lũ cho bà con miền trung trong giai đoạn 2020-2025.





DOING WELL BY DOING GOOD (TIẾP THEO)

GIẢI THƯỞNG

Cám kết phát triển bền vững của chúng tôi đã mang lại những thành quả sau nhiều năm thực hiện, được thể hiện bởi số lượng giải thưởng và bằng khen của các tổ chức đánh giá thương hiệu cả trong và ngoài nước.

- » Masan Consumer tự hào là công ty thực phẩm uy tín nhất Việt Nam năm 2020 lần thứ 3 liên tiếp theo kết quả của Vietnam Report
- » Vinacafé Biên Hòa vinh dự đứng trong “Top 10 Công ty uy tín Ngành đồ uống Việt Nam năm 2020” theo Vietnam Report.
- » Vinacafé Biên Hòa tiếp tục đạt danh hiệu Thương hiệu quốc gia cho hai năm tiếp theo 2020-2022. Đây là lần thứ 7 liên tiếp Vinacafé Biên Hòa đạt giải thưởng cao quý này, từ năm 2008 đến năm 2022.



HƯỚNG VỀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại Masan, phát triển bền vững nghĩa là sự dung hòa giữa hiệu quả của doanh nghiệp với môi trường và con người xung quanh. Chọn con đường phát triển theo triết lý “Doing well by doing good”, Masan tự hào là doanh nghiệp dẫn đầu trên nền tảng quan điểm kinh doanh bền vững, tạo những kỳ tích mang dấu ấn của chính mình.

Đối với chúng tôi, thành công không dừng lại ở những con số biết nói mà niềm hạnh phúc lớn nhất là nhìn thấy và cảm nhận những đổi thay tích cực trong đời sống hằng ngày. Đó là khát khao giúp cho người tiêu dùng Việt có thể chi trả ít hơn nhu cầu cơ bản hằng ngày của họ, giúp họ có cơ hội cải thiện cuộc sống và đầu tư vào tương lai.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



Dự báo trong năm 2021, nền kinh tế Việt Nam sẽ có bước phục hồi mạnh mẽ với GDP dự kiến tăng thêm 6,5-6,8% khi các hoạt động kinh tế trong và ngoài nước được bình thường hóa trở lại với việc dịch bệnh đã được khống chế thành công trên phạm vi toàn cầu.

KHÁI QUÁT

Thế giới đi qua năm 2020 với đà suy giảm kinh tế tại tất cả quốc gia do hậu quả nặng nề của đại dịch COVID-19, chi tiết đã được đề cập rộng rãi trong vô số các nguồn. Đầu vậy, hầu hết các tổ chức nghiên cứu hàng đầu thế giới như Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ Quốc tế ("IMF") và Ngân hàng phát triển Châu Á đều cho rằng nền kinh tế thế giới sẽ dần hồi phục trong năm 2021. Tuy nhiên, tốc độ phục hồi tăng trưởng toàn cầu sẽ phụ thuộc chủ yếu vào việc triển khai thành công các chương trình tiêm chủng vắc-xin phòng COVID-19 và các biện pháp khác để khởi động các hoạt động kinh tế.

Tại Việt Nam, mặc dù có sự giảm tốc đáng kể nhưng nền kinh tế Việt Nam đã đạt được "kỳ tích" trong bối cảnh suy thoái đang ngày càng lan rộng ra toàn cầu, phần lớn nhờ vào các biện pháp quyết liệt của Chính phủ. Cụ thể, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020 vẫn đạt mức 2,91% so với cùng kỳ năm 2019 (theo số liệu từ Tổng cục Thống kê) và nằm trong 4 nền kinh tế trên thế giới có được sự tăng trưởng về chỉ tiêu GDP bình quân đầu người, bao gồm Việt Nam, Đài Loan, Ai Cập và Trung Quốc (theo IMF). Dự báo trong năm 2021, nền kinh tế Việt Nam sẽ có

bước phục hồi mạnh mẽ với GDP dự kiến tăng thêm 6,5-6,8% khi các hoạt động kinh tế trong và ngoài nước được bình thường hóa trở lại với việc dịch bệnh đã được khống chế thành công trên phạm vi toàn cầu.

COVID-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến Masan Consumer năm 2020. Với việc phong tỏa, giãn cách xã hội diễn ra trong nửa đầu năm, hoạt động của chúng tôi đã gặp nhiều thách thức. Tuy nhiên, là nhà sản xuất các mặt hàng thiết yếu hàng ngày và lượng tiêu thụ tại gia đình tăng lên, Masan đã đạt được thành công đột phá. Doanh thu thuần tăng trưởng vượt trội 26,3% lên 23.343 tỷ đồng so với 18.488 tỷ đồng trong năm 2019. Lần đầu tiên trong lịch sử, chúng tôi đạt hơn 1 tỷ đô la Mỹ doanh thu thuần. Kết quả đó có được là do ngành hàng thực phẩm tiện lợi tăng trưởng vượt trội với 38,5% so với 2019, nhờ việc mở rộng danh mục các sản phẩm cao cấp. Ngành hàng thịt chế biến đạt mức tăng trưởng đột phá với 104,4% sau khi Masan tiên phong đón đầu xu hướng mới trong phân khúc giới trẻ. Doanh thu ngành hàng gia vị đã tăng 12,4% trong năm 2020, nhờ tăng trưởng dòng sản phẩm nước mắm cao cấp và doanh số tăng



gấp đôi của sản phẩm hạt nêm cao cấp. Ngành hàng nước uống tăng trưởng 5% và cà phê giảm nhẹ doanh số so với năm 2019. Ngành hàng chăm sóc cá nhân và gia đình (HPC) dù mới tung ra sản phẩm mới vào tháng 9/2020 nhưng cũng đã đóng góp 5,3% doanh số cho Masan Consumer.

Về lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2020 là 42,5%, thấp hơn so với mức 43% năm 2019, do biên lợi nhuận của các sản phẩm ngành hóa mỹ phẩm thấp. Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho Cổ đông Công ty năm 2020 đạt 4.598 tỷ đồng, tăng 14,2% so với 4.026 tỷ đồng năm 2019, nhờ doanh thu thuần tăng và tối ưu hóa chi phí vận chuyển, bán hàng, tiếp thị.

Masan Consumer dự kiến năm 2021 sẽ đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hai con số nhờ tiếp tục chiến lược cao cấp hóa các ngành hàng chính và sự gia tăng đáng kể cơ hội của các ngành hàng trụ cột mới như ngành hàng nước uống, thịt chế biến và chăm sóc cá nhân và gia đình. Chúng tôi tin rằng đà tăng trưởng này vẫn tiếp tục trong năm 2021. Dự báo tăng trưởng năm 2021 của Masan Consumer sẽ được chia sẻ chi tiết hơn tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Môi trường kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của chúng tôi chủ yếu tại Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của chúng tôi phụ thuộc rất lớn vào sự bình ổn của kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh tế của Việt Nam cũng như các yếu tố bên ngoài như sự phát triển kinh tế trên toàn châu Á và thế giới có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Masan.

Dự đoán giá nguyên liệu đầu vào chủ chốt của Masan trong năm 2021 sẽ tăng cao. Do đó, sẽ tác động xấu dẫn đến biên lợi nhuận giảm trong những ngành kinh doanh của Masan. Sự gián đoạn của chuỗi cung ứng và khả năng mất giá của tiền đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ có thể khiến cho việc nhập khẩu hàng hóa trở nên đắt đỏ hơn, từ đó đẩy mạnh băng giá cả hàng hóa và dịch vụ lên cao.

Thị trường hàng tiêu dùng tại Việt Nam

Năm 2020, dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên thế giới nhưng được kiểm soát tốt trong nước nên hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng vẫn đạt mức tăng cao trong những tháng cuối năm; hoạt động vận tải trong nước đang dần phục hồi nhưng vận tải ngoài nước và du lịch còn gặp nhiều khó khăn.

Trước những tác động lớn từ đại dịch, thói quen người tiêu dùng Việt Nam cũng có những sự chuyển dịch nhất định, phân hóa và định hình những xu hướng chính như chi tiêu thắt chặt do giảm hoặc mất việc làm, tỉ lệ thất nghiệp gia tăng. Việc này dẫn đến nhu cầu lựa chọn các sản phẩm thiết yếu hàng ngày với giá rẻ, hợp lý được ưu tiên trong giỏ hàng hàng ngày của người tiêu dùng. Đại dịch cũng đã nâng cao ý thức sức khỏe của người tiêu dùng Việt Nam, họ quan tâm hơn đến vấn đề an toàn, vệ sinh và dinh dưỡng khi mua sắm cho bản thân và gia đình.

Theo đà tăng từ năm 2019, kênh mua sắm hiện đại (Modern Trade) tiếp tục được mở rộng từ thành thị đến nông thôn giúp cho lưu thông và tiêu thụ hàng hóa được đẩy mạnh và nhanh hơn. Người tiêu dùng dần quen thuộc và thích thú với trải nghiệm mua sắm tại siêu thị, cửa hàng tiện lợi gần nơi họ sinh sống và làm việc. Năm 2020, chi tiêu tại kênh MT ở khu vực nông thôn tăng 40% so với năm 2019 và dự kiến sẽ tiếp tục bùng nổ trong



những năm tiếp theo (nguồn: Kantar Worldpanel nông thôn Việt Nam vào tháng 9/2020).

Sự phát triển của Internet cùng với đại dịch COVID-19 đã thúc đẩy các kênh mua sắm trực tuyến phát triển mạnh mẽ vào năm 2020. Mặc dù trở nên phổ biến, người tiêu dùng vẫn không khỏi lo lắng vì sự gian lận và thông tin sai lệch gây nhiễu loạn, mất lòng tin với nhãn hàng. Các nhà sản xuất muốn phát triển kênh bán hàng trực tuyến cần phải có chiến lược truyền thông và tiếp thị mạnh mẽ, rõ ràng để tiếp cận đúng người tiêu dùng, không chỉ để nâng cao nhận thức mà còn mang đến trải nghiệm mua sắm chất lượng và tiện lợi.



NGÀNH HÀNG THỰC PHẨM TIỆN LỢI

Đại dịch COVID-19 dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ hơn trong ngành hàng thực phẩm tiện lợi, điều này được thể hiện qua doanh số bán hàng, đạt mức tăng trưởng cao ở cả thị trường thành thị và nông thôn. Tăng trưởng doanh số không chỉ tập trung ở phân khúc trung cấp mà còn ở phân khúc cao cấp khi Masan Consumer cho ra mắt các giải pháp bữa ăn liền đầy đủ dinh dưỡng và tiện lợi Chín-Su. Trong thời gian giãn cách xã hội, nhu cầu về các sản phẩm thực phẩm tiện lợi tăng cao hơn trên toàn quốc và trên tất cả các phân khúc giá.

Năm 2020, doanh thu thuần của ngành hàng thực phẩm tiện lợi Masan Consumer đạt 6.882 tỷ đồng, tăng trưởng 38,5% so với năm 2019. Omachi tăng 32% so với năm 2019, thống trị phân khúc cao cấp với 45% thị phần, trở thành nhãn hiệu bán chạy nhất tại kênh Siêu thị và mì tô bán chạy nhất cả nước. Thành công của Omachi là nhờ vào việc sở hữu mạnh mẽ hình ảnh: i) "mì khoai tây không nóng"; ii) "cao cấp"; và iii) "dẫn dắt

DOANH THU THUẦN NĂM 2020



6.882 TỶ ĐỒNG

xu hướng". Ở phân khúc trung cấp, mì Kokomi cũng vượt trội hơn hẳn, tăng trưởng 42,8% so với cùng kỳ năm ngoái và hiện là nhãn hiệu mì bán chạy nhất miền Bắc.

Năm 2020, sự thành công của ngành hàng thực phẩm tiện lợi trọng phân khúc cao cấp còn được ghi dấu thông qua việc giới thiệu đến người tiêu dùng Bộ sản phẩm ăn sáng Chín-Su, là một trong các giải pháp bữa ăn liền đầy đủ dinh dưỡng và tiện lợi của chúng tôi, đáp ứng nhu cầu bữa ăn dinh dưỡng có thịt thật vị nguyên bản phục vụ nhu cầu hạn chế ăn ngoài trong thời gian giãn cách xã hội. Bộ sản phẩm này còn tạo nên xu hướng ăn tại nhà, tăng sự gắn kết với gia đình. Bữa ăn đủ cho 7 ngày trong tuần và đáp ứng được các khẩu vị khác nhau của mọi thành viên trong gia đình. Bộ Bữa sáng Chín-Su với 7 món ăn sáng, có thịt thật nguyên miếng gồm: Phở bò, Miến gà hầm măng, Hủ tiếu Nam Vang, Hủ tiếu Bò Kho, Bánh đa cua, Cháo Sườn, Cháo Tim Gan.





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



NGÀNH HÀNG GIA VỊ, NƯỚC SỐT VÀ NƯỚC SỐT SALAD

Ngành hàng gia vị, nước sốt và nước sốt Salad tiếp tục là trụ cột của Masan Consumer, đây là một trong những ngành hàng lớn và có lợi nhuận cao nhất của chúng tôi. Chúng tôi không thể trở thành công ty thực phẩm hàng đầu Việt Nam nếu không dẫn đầu trong ngành hàng gia vị mang đậm nét “hương vị” ẩm thực Việt Nam. Gia vị là cốt lõi của di sản ẩm thực Việt, đặc biệt là nước mắm, một trong những yếu tố cần thiết để tạo nên hương vị cho mỗi bữa ăn của người Việt. Vì người tiêu dùng Việt Nam luôn sử dụng gia vị để làm bữa ăn hằng ngày, do vậy các sản phẩm gia vị của chúng tôi không bị sụt giảm doanh số do COVID-19.

Năm 2020 cũng đánh dấu sự ra mắt thành công của 3 sản phẩm gia vị hảo hạng:

- » Nước mắm Chin-Su Cá Cơm Biển Đông - đỉnh cao vị ngon nước mắm đậm đà trong chai thủy tinh sang trọng,

- » Tương Ớt Chin-Su Cay Gấp Đôi phục vụ cấp độ ăn cay mạnh hơn cho các đối tượng người tiêu dùng yêu thích tương ớt Chin-Su.

- » Hạt nêm Chin-Su 25 Dưỡng Chất: xác lập định nghĩa mới về ngành hàng hạt nêm – không chỉ là gia vị nấu nướng mà còn mang tới 25 dưỡng chất dinh dưỡng cho bữa ăn gia đình.

Năm 2020, doanh thu thuần ngành gia vị đạt 8.147 tỷ đồng, tăng trưởng 12,4% so với năm 2019. Những nỗ lực của chúng tôi trong việc cao cấp hóa ngành hàng đã được đền đáp và dòng gia vị cao cấp hiện chiếm 36% tổng doanh số ngành gia vị, tăng 28,7% so với năm 2019.

DOANH THU THUẦN NĂM 2020

 **8.147** TỶ ĐỒNG



Cá Cơm Tươi

Nấu đậm đà - Chấm thơm ngon





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



NGÀNH ĐỒ UỐNG ĐÓNG CHAI

Ngành hàng đồ uống đóng chai của Việt Nam trong năm 2020 bao gồm nước đóng chai, nước uống có gas, nước tăng lực và các sản phẩm đồ uống dùng ngay (ready-to-drink) đạt giá trị thị trường 70.000 tỷ đồng và tăng 7,6% so với 2019, theo số liệu từ Nielsen. Trước ảnh hưởng của đại dịch toàn cầu, xu hướng lựa chọn các sản phẩm tốt cho sức khỏe dự kiến sẽ tiếp tục phát triển và là yếu tố thúc đẩy thị trường đồ uống đóng chai. Đối mặt với tần suất và lực lượng lao động sụt giảm trong các ngành sản xuất, xây dựng, nông nghiệp và vận tải, ngành nước tăng lực tại Việt Nam tăng trưởng âm. Trên thị trường, hầu hết các công ty trong ngành đồ uống tại Việt Nam đều không tăng trưởng về doanh thu trong năm 2020.

Trong điều kiện ngoại cảnh bất lợi, ngành hàng đồ uống của Masan đạt 3.724 tỷ đồng, tăng trưởng 5% so với năm 2019, chủ yếu nhờ vào doanh thu từ ngành nước tăng lực. Ngoài sản phẩm nước tăng lực vị cà phê Wake-Up 247 vươn lên giành 10% thị

DOANH THU THUẦN NĂM 2020

 **3.724** TỶ ĐỒNG

phần toàn quốc, các dòng nước tăng lực khác của Masan cũng đã mang về những dấu hiệu phát triển khả quan như Compact Cherry (đạt 1% thị phần, tăng 81%) và Hồ Vắn – gây tiếng vang lớn trên thị trường Nước tăng lực và đạt 0,6% thị phần sau gần 1 năm ra mắt. Đón đầu xu hướng tiêu dùng sản phẩm tốt cho sức khỏe, Masan còn ra mắt loạt các sản phẩm hướng tới sức khỏe của người tiêu dùng như: Nước khoáng Chanh Lemona bổ sung Vitamin C, Nước yến nha đam đường phèn Hari Hari và Sữa lúa mạch B'fast.

Dự kiến năm 2021, ngành nước tăng lực của công ty sẽ đạt 5.000 tỷ doanh thu, đóng góp vào mục tiêu 7.000 tỷ doanh thu từ đồ uống của Masan.



NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

Đại dịch COVID-19 gây ảnh hưởng nặng nề đến ngành đồ uống nói chung và ngành cà phê nói riêng. Giãn cách xã hội, làm việc tại nhà, du lịch hạn chế đã tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của ngành cà phê trong năm 2020.

Ngành cà phê của Masan Consumer (trừ nhãn hiệu Wake-Up 247 do thuộc ngành đồ uống đóng chai) trong năm 2020 ghi nhận doanh thu thuần là 1.424 tỷ đồng, giảm 4,4% so với 2019.

Năm 2021, Masan Consumer đặt mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh các phát kiến mới cùng với chuyên gia cà phê hàng đầu để ra mắt các sản phẩm vượt trội phù hợp thị hiếu tiêu dùng trong thời kỳ “bình thường mới” trở lại sau đại dịch.



NGÀNH THỊT CHẾ BIẾN

Trong năm 2020 sản phẩm xúc xích đạt doanh số thuần 840 tỷ đồng, đã có sự tăng trưởng đột phá 104% so với năm 2019.

Heo Cao Bồi có sự đột phá về doanh số, trở thành nhãn hiệu “snack từ thịt” được yêu thích của trẻ em Việt Nam. Ponnie dẫn đầu các đột phá về sản phẩm trong phân khúc xúc xích tiết trùng, mang đến nguồn dinh dưỡng cao và trải nghiệm ngon độc đáo (xúc xích có nhân, xúc xích 88% thịt...).

DOANH THU THUẦN NĂM 2020

 **840** TỶ ĐỒNG





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



NGÀNH HÀNG HÓA MỸ PHẨM CHĂM SÓC CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Ngành hàng Chăm sóc cá nhân và gia đình (Home & Personal Care - HPC) hiện nay là “sân chơi” hấp dẫn dành cho các tập đoàn đa quốc gia với giá trị thị trường khoảng 3,1 tỷ USD. Tuy nhiên, ngành hàng này vẫn chưa phát triển so với các thị trường khác song có nhiều cơ hội phát triển để xây dựng các thương hiệu nội địa vững mạnh. Là một doanh nghiệp Việt Nam và thấu hiểu người tiêu dùng Việt, Masan Consumer mong muốn thắp lại niềm tự hào thương hiệu Việt trong ngành hàng Chăm sóc cá nhân và gia đình này. Masan Consumer tin rằng có nhiều ưu thế để phát triển các sản phẩm vượt trội để không những nâng cao đời sống vật chất của người tiêu dùng Việt mà còn là những thương hiệu truyền cảm hứng.

Trong năm 2020 ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình (HPC) đóng góp 1.265 tỷ đồng doanh số thuần vào tổng doanh số của MSC.

DOANH THU THUẦN NĂM 2020

 **1.265** TỶ ĐỒNG

Việc mua lại Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“NETCO”) vào đầu năm 2020 đã đánh dấu những bước chân đầu tiên vào thị trường HPC của chúng tôi. Trong vòng một năm sau khi mua, chúng tôi đã tận dụng lợi thế kinh nghiệm, kỹ thuật và công nghệ sản xuất bột giặt của NETCO để cho ra mắt sản phẩm HPC được phát triển bởi Masan Consumer. Bột giặt Joins 2 trong 1 là bột giặt tích hợp giặt - xả, Joins 2 trong 1 không những có khả năng làm sạch các loại vết bẩn cứng đầu nhờ công nghệ enzyme từ Châu Âu mà còn có khoáng chất dưỡng vải giúp quần áo sau khi giặt và phơi vẫn mềm mại mà không cần dùng nước xả vải.



NẤU TRÊN BẾP
4 phút





CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CHÚNG TÔI

Triển vọng kinh doanh của Masan Consumer gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam.

Triển vọng kinh doanh của chúng tôi gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam. Do đó, nếu Việt Nam trải qua một cuộc suy thoái kinh tế, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Sự bùng phát gần đây của đại dịch COVID-19 trên toàn thế giới và tại Việt Nam đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin, chi tiêu và dự báo của người tiêu dùng, có thể gây bất lợi cho kế hoạch tài chính của công ty chúng tôi. Các sản phẩm của chúng tôi là mặt hàng thiết yếu hàng ngày và chúng tôi có thể kinh doanh thành công trong năm 2020 dù cho ảnh hưởng của COVID-19. Tuy nhiên, thời điểm phục hồi sau đại dịch là không chắc chắn và sự tiếp diễn của đại dịch có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam và điều này có thể ảnh hưởng bất lợi đến kết quả kinh doanh của chúng tôi.

Những công ty con và công ty liên kết của Masan Consumer hoạt động trong các ngành hàng phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ và vị trí dẫn đầu thị trường của chúng tôi có thể bị lung lay nếu các đối thủ cạnh tranh đạt được những bước tiến quan trọng để giành lấy thị phần.

Masan Consumer cạnh tranh chủ yếu dựa vào các yếu tố như hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và sự đa dạng của sản phẩm. Thị trường thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn khi có nhiều thương hiệu và công ty thuộc ngành hàng tiêu dùng quốc tế nổi tiếng thâm nhập vào thị trường. Sức ép cạnh tranh có thể khiến cho các đối thủ phải gia tăng đáng kể chi phí dành cho quảng cáo và các hoạt động khuyến mãi, hoặc thực hiện các hành vi định giá bất hợp lý. Masan Consumer có thể buộc phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, cũng như các chương trình khuyến mãi và tiếp thị. Những khoản chi này có thể khiến tỷ suất lợi nhuận giảm sút và do đó ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động của chúng tôi.

Chi phí của Masan Consumer có thể gặp biến động.

Khối lượng sản xuất của chúng tôi và chi phí sản xuất phụ thuộc vào khả năng của chúng tôi trong việc duy trì nguồn cung ổn

định và đầy đủ nguyên liệu (bao gồm cả dầu ăn, cá, đậu tương, nước mắm nguyên liệu, ớt, bột mì, đường và ngũ cốc) và vật liệu đóng gói cho các sản phẩm của chúng tôi với mức giá có thể chấp nhận được. Nguyên liệu được chúng tôi mua ở Việt Nam và nhập khẩu từ nước ngoài thông qua các công ty trung gian. Mặc dù chúng tôi mua nguyên liệu từ nhiều nhà cung cấp và không lệ thuộc vào bất kỳ nhà cung cấp duy nhất nào, chúng tôi không đảm bảo rằng tình trạng thiếu hụt nguyên liệu sẽ không xảy ra. Nếu chúng tôi không có được đầy đủ nguyên liệu cả về lượng cũng như chất mà chúng tôi yêu cầu, hoặc với mức giá hoặc các điều khoản khác mà chúng tôi có thể chấp nhận, chất lượng sản phẩm, sản lượng sản xuất cũng như doanh thu của chúng tôi sẽ bị ảnh hưởng xấu.

Ngoài ra, giá nguyên liệu có thể biến động do ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như điều kiện thời tiết, môi trường, biến động giá cả hàng hóa, tiền tệ và những thay đổi trong chính sách của Nhà nước liên quan tới lĩnh vực nông nghiệp. Nếu chúng tôi không thể quản lý các chi phí này cũng như tăng giá bán các sản phẩm của chúng tôi lên tương ứng thì hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như triển vọng của chúng tôi sẽ bị ảnh hưởng bất lợi và đáng kể.

Masan Consumer phụ thuộc vào khả năng duy trì các hoạt động tuyển dụng hoặc giữ chân nhân viên có trình độ phù hợp với các vị trí quản lý then chốt của mình.

Mặc dù Masan Consumer không phụ thuộc vào bất kỳ một thành viên riêng lẻ nào trong Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát hoặc đội ngũ quản lý cấp cao, nhưng sự thành công của Masan Consumer phụ thuộc đáng kể vào kỹ năng, trình độ, nỗ lực, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ chân họ cùng những nhân viên giỏi khác. Do sự cạnh tranh khốc liệt tại Việt Nam, chúng tôi phải thường xuyên đối mặt với nhiều thách thức trong việc tuyển dụng và giữ chân đủ số lượng chuyên viên giỏi. Sự thiếu hụt nhân sự chủ chốt có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đối với hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Consumer.

Chúng tôi phụ thuộc vào mạng lưới phân phối đã có sẵn.

Chúng tôi dựa rất nhiều vào quan hệ với mạng lưới các nhà

phân phối để tiêu thụ sản phẩm. Trong trường hợp các công ty đối thủ của chúng tôi chào mời các điều kiện thuận lợi hơn hoặc các ưu đãi lớn hơn cho các nhà phân phối của chúng tôi, các nhà phân phối này có thể lựa chọn chấm dứt các hợp đồng phân phối với chúng tôi. Trong trường hợp quan hệ của chúng tôi với số lượng lớn các nhà phân phối bị xấu đi do các hành động của các công ty đối thủ, tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.

Doanh thu của Masan Consumer phụ thuộc vào hình ảnh thương hiệu.

Masan Consumer luôn phấn đấu để giữ hình ảnh là một công ty thành công qua cam kết nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng. Tuy nhiên, những sự kiện không mong muốn có thể xảy ra và gây ảnh hưởng đến hình ảnh của chúng tôi, chẳng hạn như bị đối thủ cạnh tranh không lành mạnh. Hình ảnh thương hiệu của chúng tôi có thể ảnh hưởng lớn đến doanh số, và chúng tôi có thể bị lỗ do doanh thu giảm và các chi phí khác tăng cao nhằm bảo vệ hình ảnh thương hiệu.

Chúng tôi có thể không thành công trong việc phát triển sản phẩm mới.

Chúng tôi có một đội ngũ nghiên cứu và phát triển sản phẩm nội bộ, dành toàn thời gian cho việc phát triển sản phẩm mới và các phiên bản của những sản phẩm hiện có. Cụ thể, chúng tôi tập trung vào việc tạo nên những sản phẩm sáng tạo, tốt cho sức khỏe, giá cả hợp lý và tiện dụng. Việc phát triển và ra mắt sản phẩm mới có thể đòi hỏi chi phí đáng kể, bao gồm chi phí quản lý, sản xuất và tiếp thị cao hơn.

Một sản phẩm mới được chấp nhận trên thị trường hay không phụ thuộc phần lớn vào khả năng của chúng tôi trong việc đáp ứng thành công các nhu cầu của thị trường, khẩu vị và nhu cầu dinh dưỡng của người tiêu dùng. Chúng tôi không thể đảm bảo thị trường sẽ chấp nhận mọi sản phẩm mới mà chúng tôi sản xuất. Nếu các sản phẩm không thành công, chúng tôi sẽ không thể lấy lại được chi phí nghiên cứu và phát triển đã bỏ ra và điều này sẽ có tác động xấu đến việc kinh doanh của chúng tôi, điều kiện tài chính, kết quả vận hành và các viễn cảnh khác.

Chúng tôi phải đối mặt với rủi ro xảy ra tình trạng nhiễm bẩn sản phẩm và bất kỳ vụ nhiễm bẩn nào như vậy sẽ khiến chúng tôi có nguy cơ bị khiếu nại về trách nhiệm đối với sản phẩm.

Nhiễm bẩn là một rủi ro vốn có trong ngành thực phẩm và đồ uống. Mặc dù chúng tôi đã nỗ lực hết sức, bao gồm cả việc kiểm tra thường xuyên tại nhà máy sản xuất và kiểm tra thường xuyên nguyên vật liệu, chúng tôi không thể hoàn toàn loại trừ nguy cơ nhiễm bẩn. Không phải tất cả các quá trình xử lý của chúng tôi hoàn toàn tự động, do đó làm tăng nguy cơ lỗi của con người, và do đó cũng có khả năng tăng nguy cơ ô nhiễm. Do vậy, chúng tôi có thể bị khiếu nại liên quan đến tình trạng nhiễm bẩn sản phẩm và có thể phải thu hồi sản phẩm hoặc rút khỏi thị trường, điều đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của chúng tôi. Mặc dù không có chính sách trách nhiệm sản phẩm được công nhận tại Việt Nam, chúng tôi không thể đảm bảo rằng chúng tôi sẽ không phải đối mặt với khiếu nại hoặc kiện tụng về sự an toàn và chất lượng của các sản phẩm của chúng tôi.

Sự mở rộng vào thị trường In-land ASEAN không chắc chắn thành công.

Thông qua quan hệ đối tác với Singha, Masan muốn tung sản phẩm của mình ở Thái Lan và cuối cùng mở rộng sang các thị trường lân cận trong khu vực In-land ASEAN. Cho dù đây là một cơ hội để chúng tôi mở rộng và tăng trưởng trong một thị trường to lớn hơn, chúng tôi không thể đảm bảo việc chúng tôi sẽ thành công tại thị trường này vì đây là sự khởi đầu của một nhiệm vụ đầy thử thách.

Tác động của đại dịch COVID-19 vẫn chưa được đánh giá đầy đủ.

Đại dịch COVID-19 được dự báo sẽ có nhiều tác động đến triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu do không có gì đảm bảo rằng đại dịch có thể được ngăn chặn trong một khoảng thời gian nhất định. Hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực bị tạm ngưng có thể tạo ra phản ứng dây chuyền với rất nhiều doanh nghiệp. Các tác động của dịch bệnh vẫn đang được đánh giá thêm.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

	2020	2019
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
Doanh thu gộp	23.988.059	19.112.348
Các khoản giảm trừ	(645.324)	(624.807)
Doanh thu thuần	23.342.735	18.487.541
Giá vốn hàng bán	(13.423.520)	(10.529.868)
Lợi nhuận gộp	9.919.215	7.957.673
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	(4.964.974)	(3.832.573)
Thu nhập tài chính	754.808	619.848
Chi phí tài chính	(315.433)	(240.141)
Phần lãi trong một công ty liên kết	13.296	7.978
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.406.912	4.512.785
Kết quả từ các hoạt động khác	(15.884)	(21.006)
Lợi nhuận trước thuế	5.391.028	4.491.779
Thuế	(793.457)	(430.101)
Lợi nhuận sau thuế	4.597.571	4.061.678
Phân bổ		
Cổ đông không kiểm soát	77.272	35.187
Chủ sở hữu của Công ty	4.520.299	4.026.491

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

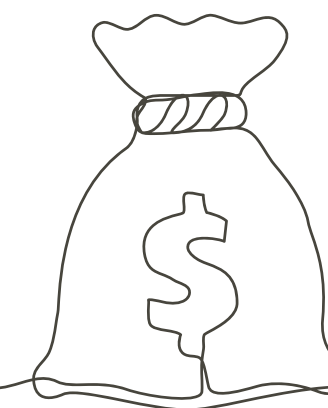
	31/12/2020	31/12/2019
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
TÀI SẢN NGẮN HẠN	9.510.248	6.006.835
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.818.494	2.191.361
Đầu tư tài chính ngắn hạn	212.300	193.304
Phải thu thuần từ hoạt động kinh doanh	651.911	543.205
Phải thu ngắn hạn khác	2.863.176	1.863.402
Hàng tồn kho	1.841.627	1.168.106
Tài sản ngắn hạn khác	122.740	47.457
TÀI SẢN DÀI HẠN	16.023.158	14.462.772
Các khoản phải thu dài hạn	8.785.436	8.935.014
Tài sản cố định	5.288.328	4.156.809
TSCĐ hữu hình	4.211.296	3.306.841
TSCĐ vô hình	1.062.514	849.968
Bất động sản đầu tư	14.518	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	441.991	561.015
Đầu tư tài chính dài hạn	249.392	249.392
Đầu tư dài hạn khác	1.258.011	560.542
TỔNG TÀI SẢN	25.533.406	20.469.607

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	31/12/2020	31/12/2019
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
NỢ NGẮN HẠN	10.195.795	7.743.868
Vay và nợ ngắn hạn	6.660.449	5.113.137
Phải trả người bán	1.164.839	1.098.801
Người mua trả tiền trước	39.399	42.571
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	613.245	396.613
Phải trả người lao động	17.171	444
Chi phí phải trả	1.632.365	1.050.522
Các khoản phải trả, phải nộp khác	68.327	41.779
NỢ DÀI HẠN	1.054.627	318.773
Vay và nợ dài hạn	787.689	126.321
Nợ dài hạn khác	266.938	192.452
NỢ PHẢI TRẢ	11.250.422	8.062.640
VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.282.984	12.406.967
Vốn cổ phần	7.267.938	7.229.246
Thặng dư vốn cổ phần	3.710.768	3.555.999
Vốn khác của chủ sở hữu	(265.776)	(265.776)
Cổ phiếu quỹ	(1.640.253)	(1.640.253)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.496	13.597
Quỹ đầu tư phát triển	22.732	22.732
Lợi nhuận chưa phân phối	4.583.857	3.244.394
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	590.222	247.027
TỔNG NGUỒN VỐN	25.533.406	20.469.607

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

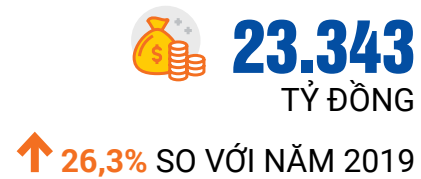
	2020	2019
Hệ số thanh toán hiện thời	0,9x	0,8x
Hệ số thanh toán nhanh	0,8x	0,6x
Tổng Nợ/EBITDA	1,3x	1,1x
Tổng Nợ/Tổng tài sản	0,29x	0,26x
Vòng quay tồn kho	8,9x	8,8x
Số ngày tồn kho (ngày)	41	40
Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	33,9%	34,6%
Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	20,0%	21,6%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	101,5%	98,5%
Biên lợi nhuận thuần	19,7%	22,0%
Biên EBIT	21,2%	22,3%
Biên EBITDA	24,9%	26,3%



THẢO LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

DOANH THU THUẦN

Năm 2020, doanh thu thuần của Masan Consumer đạt 23.343 tỷ đồng, tăng 26,3% so với năm 2019. Động lực thúc đẩy tăng trưởng nhờ vào khả năng đổi mới sáng tạo và đầu tư vào thương hiệu. Trong đó, thực phẩm và sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình (HPC) là những ngành hàng thúc đẩy tăng trưởng phần lớn cho Công ty.



BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

Biên lợi nhuận gộp của Masan Consumer đạt 42,5% trong năm 2020 giảm 0,5% so với 43,0% trong năm 2019. Mức giảm chủ yếu do biên lợi nhuận thấp đến từ ngành hàng chăm sóc cá nhân và gia đình và được bù đắp từ biên lợi nhuận cao của ngành thực phẩm. Biên lợi nhuận gộp của HPC dự kiến sẽ tăng lên trong trung hạn nhờ vào nỗ lực đầu tư vào thương hiệu.



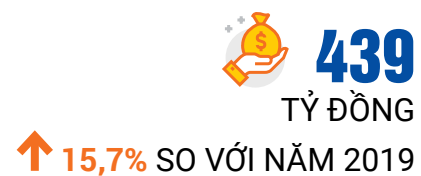
CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp (SG&A) trong năm 2020 đạt 4.965 tỷ đồng, so với mức 3.832 tỷ đồng trong năm 2019. SG&A theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần tăng từ 20,7% trong năm 2019 lên 21,3% trong năm 2020, chủ yếu do tăng chi phí marketing và chi phí khuyến mãi phù hợp với chiến lược xây dựng thương hiệu mạnh và cao cấp hóa ngành hàng chủ lực.



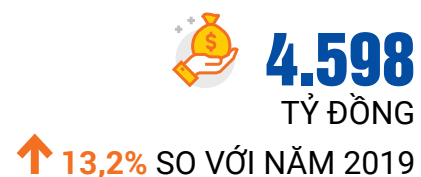
LỢI NHUẬN THUẦN TÀI CHÍNH

Lợi nhuận thuần tài chính trong năm 2020 đạt 439 tỷ đồng so với 380 tỷ đồng năm 2019, tăng 15,7% do tối ưu hóa các dòng tiền.



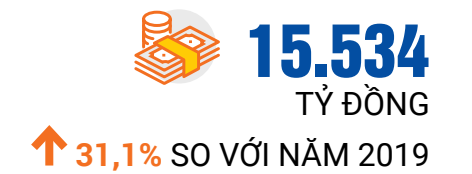
LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 đạt 4.598 tỷ đồng, tăng 13,2% so với năm 2019 nhờ tăng trưởng doanh thu thuần bù đắp cho biên lợi nhuận gộp thấp và chi phí bán hàng và quản lý tăng cao.



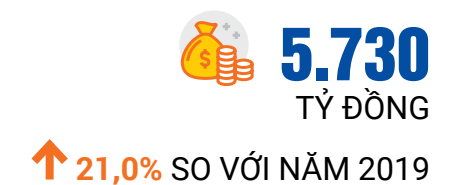
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tại ngày 31/12/2020, Masan Consumer nắm giữ 15.534 tỷ đồng số dư tiền (bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư có lãi khác), tăng 31,1% từ mức 11.845 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019. Mức tăng này chủ yếu từ các dòng tiền hoạt động của Tập đoàn.



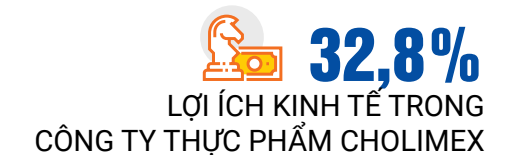
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tại ngày 31/12/2020, tổng giá trị ghi sổ của tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang) đạt 5.730 tỷ đồng, tăng 21% từ 4.718 tỷ đồng so với ngày 31/12/2019. Tài sản cố định tăng chủ yếu từ đầu tư mới và đầu tư mở rộng tại các nhà máy Hậu Giang, Nghệ An và Bình Dương để nâng cao công suất, đổi mới công nghệ máy móc thiết bị hiện đại như: dây chuyền sản xuất các dòng nước tăng lực, hệ thống nhà chượp nước mắm cốt, dây chuyền sản xuất mì, phở, đóng gói gia vị tự động, dây chuyền chế biến và sản xuất các sản phẩm từ thịt.



ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào công ty liên kết bao gồm 32,8% lợi ích kinh tế trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex tại thời điểm ngày 31/12/2020.



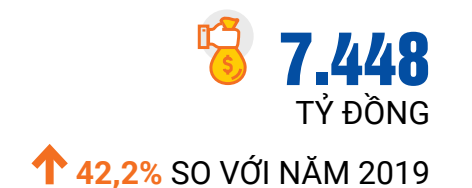
TỔNG TÀI SẢN

Tính đến ngày 31/12/2020, tổng tài sản tăng 25,0% từ mức 20.470 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019 lên mức 25.533 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020 chủ yếu do việc tăng các khoản tiền và tương đương tiền (bao gồm khoản tiền gửi và các khoản đầu tư có lãi), tài sản cố định cao hơn và thay đổi vốn lưu động.



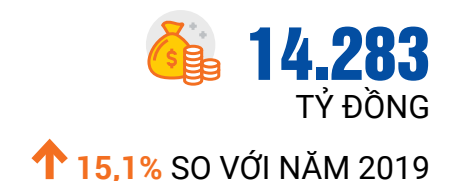
CÁC KHOẢN VAY

Tính đến ngày 31/12/2020, các khoản vay ngắn và dài hạn tăng 42,2% từ mức 5.239 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019 lên mức 7.448 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020, mức tăng này chủ yếu do việc tăng vay ngắn hạn để tài trợ vào vốn lưu động và phần nhỏ là do việc tăng vay dài hạn để tài trợ chi phí vào chi tiêu tài sản cố định.



VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tính đến ngày 31/12/2020, vốn chủ sở hữu đạt 14.283 tỷ đồng, tăng 15,1% so với mức 12.407 tỷ đồng vào ngày 31/12/2019. Mức tăng chủ yếu do tăng trưởng từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN.



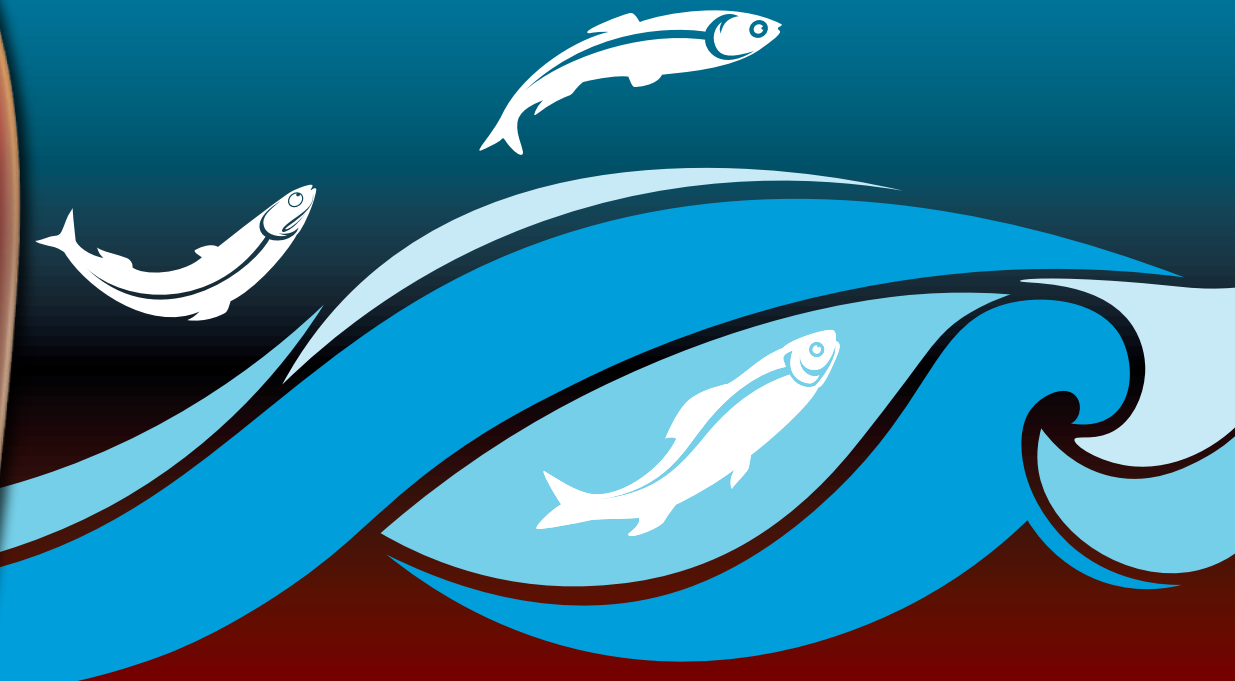
Đầu năm 2021, kế hoạch ngân sách dự kiến của chúng tôi cho thấy, cả doanh thu thuần và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ tăng trưởng trong phạm vi 15%-30%. Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 đã gây khó khăn trong việc lập kế hoạch ngân sách năm 2021. Là doanh nghiệp hoạt động trong các ngành hàng tiêu dùng thiết yếu, chúng tôi ghi nhận doanh thu tăng lên cho các sản phẩm tiêu dùng khi mức mua sắm tích trữ và tiêu thụ hàng hóa tại nhà của người tiêu dùng lớn hơn sau khi rất nhiều cửa hàng, quán ăn đóng cửa. Chúng tôi đã tăng trưởng trong bối cảnh này và ngành hàng thực phẩm tiện lợi đã đạt kết quả kinh doanh vượt dự kiến. Tuy nhiên, nếu đại dịch vẫn kéo dài, người tiêu dùng sẽ phát sinh tâm lý e ngại và giảm sức mua, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Do đó, ngân sách tài chính năm 2021 vẫn chỉ là tạm thời và sẽ được trình bày chi tiết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.



MỚI

CÁ CỜM BIỂN ĐÔNG

THƠM NGON TỐI GIỚI CUỐI CÙNG



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 26 tháng 10 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Danny Le

Chủ tịch
(từ ngày 30 tháng 6 năm 2020)
Thành viên
(đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)

Ông Trương Công Thắng

Chủ tịch
(đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)
Thành viên
(từ ngày 30 tháng 6 năm 2020)

Ông Nguyễn Đăng Quang

Thành viên

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Quang

Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Trương Công Thắng

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Hồng Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Nguyên

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 12 tháng 4 năm 2020)

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 59 đến trang 117 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 59 đến trang 117.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00251-21-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Khánh Tân

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3458-2020-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.510.248.113.897	6.006.835.115.613
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	3.818.494.309.952	2.191.361.038.968
Tiền	111		146.894.309.952	148.761.038.968
Các khoản tương đương tiền	112		3.671.600.000.000	2.042.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		212.300.000.000	193.304.109.559
Chứng khoán kinh doanh	121	8(a)	-	150.604.109.559
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(b)	212.300.000.000	42.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.515.086.732.291	2.406.606.412.273
Phải thu của khách hàng	131	9	399.157.914.891	350.452.939.057
Trả trước cho người bán	132		252.752.655.991	192.751.825.681
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10(a)	-	1.805.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	2.863.176.161.409	58.401.647.535
Hàng tồn kho	140	12	1.841.626.811.696	1.168.106.286.708
Hàng tồn kho	141		1.873.240.612.964	1.213.146.818.871
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31.613.801.268)	(45.040.532.163)
Tài sản ngắn hạn khác	150		122.740.259.958	47.457.268.105
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.740.280.348	14.508.164.664
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		104.031.879.014	32.721.326.665
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		968.100.596	227.776.776

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		16.023.158.439.128	14.462.772.196.285
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.785.436.801.907	8.935.013.933.544
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10(b)	6.927.734.374.092	7.655.716.876.592
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	1.857.702.427.815	1.279.297.056.952
Tài sản cố định	220		5.273.809.928.250	4.156.809.070.021
Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.211.295.739.877	3.306.841.235.689
Nguyên giá	222		7.542.782.663.774	6.155.131.133.166
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.331.486.923.897)	(2.848.289.897.477)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.062.514.188.373	849.967.834.332
Nguyên giá	228		2.421.367.789.360	2.059.063.363.496
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.358.853.600.987)	(1.209.095.529.164)
Bất động sản đầu tư	230	15	14.517.800.560	-
Nguyên giá	231		18.627.973.918	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.110.173.358)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		441.990.679.037	561.015.382.299
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	441.990.679.037	561.015.382.299
Đầu tư tài chính dài hạn	250		249.391.858.906	249.391.858.906
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	8(c)	249.391.858.906	249.391.858.906
Tài sản dài hạn khác	260		1.258.011.370.468	560.541.951.515
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	705.514.305.140	175.226.896.814
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	230.398.418.399	167.181.054.605
Lợi thế thương mại	269	19	322.098.646.929	218.134.000.096
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		25.533.406.553.025	20.469.607.311.898

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.250.421.793.413	8.062.640.263.873
Nợ ngắn hạn	310		10.195.795.172.819	7.743.867.535.929
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	1.164.838.936.675	1.098.800.884.640
Người mua trả tiền trước	312		39.399.035.761	42.571.451.835
Thuế phải nộp Nhà nước	313	21	613.244.655.520	396.613.184.666
Phải trả người lao động	314		17.172.287.679	444.487.500
Chi phí phải trả	315	22	1.632.364.860.850	1.050.521.768.150
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	39.469.891.268	18.906.590.903
Vay ngắn hạn	320	24(a)	6.660.448.654.909	5.113.137.141.496
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.856.850.157	22.872.026.739
Nợ dài hạn	330		1.054.626.620.594	318.772.727.944
Phải trả người bán dài hạn	331	20	27.667.776.000	31.012.774.000
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	25.234.542.936	23.977.149.720
Vay dài hạn	338	24(b)	787.689.223.375	126.321.105.544
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	199.223.889.416	122.925.355.852
Dự phòng phải trả dài hạn	342		14.811.188.867	14.536.342.828

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		14.282.984.759.612	12.406.967.048.025
Vốn chủ sở hữu	410	25	14.282.984.759.612	12.406.967.048.025
Vốn cổ phần	411	26	7.267.938.180.000	7.229.246.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.267.938.180.000	7.229.246.040.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	26	3.710.767.704.992	3.555.999.144.992
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	26	(1.640.252.631.255)	(1.640.252.631.255)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		13.495.754.932	13.597.433.276
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.583.857.861.595	3.244.394.137.086
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		72.233.419.086	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		4.511.624.442.509	3.244.394.137.086
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		590.221.573.510	247.026.608.088
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		25.533.406.553.025	20.469.607.311.898

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Người duyệt:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	23.988.058.548.405	19.112.348.416.942
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	645.324.067.008	624.806.580.434
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	23.342.734.481.397	18.487.541.836.508
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	13.423.520.341.046	10.529.868.313.945
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		9.919.214.140.351	7.957.673.522.563
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	754.808.423.442	619.847.831.113
Chi phí tài chính	22	32	315.433.247.596	240.140.907.448
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		286.495.734.730	235.821.679.467
Phần lãi trong một công ty liên kết	24	8(c)	13.296.085.000	7.977.651.000
Chi phí bán hàng	25	33	4.071.091.999.434	3.015.180.960.649
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	893.881.875.904	817.391.573.893
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		5.406.911.525.859	4.512.785.562.686
Thu nhập khác	31		2.151.494.345	1.623.151.249
Chi phí khác	32		18.035.234.109	22.629.400.853
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(15.883.739.764)	(21.006.249.604)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.391.027.786.095	4.491.779.313.082
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	877.546.842.929	410.452.844.925
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(84.090.312.176)	19.648.372.146
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		4.597.571.255.342	4.061.678.096.011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	60		4.597.571.255.342	4.061.678.096.011
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		4.520.298.845.178	4.026.490.967.694
Cổ đông không kiểm soát	62		77.272.410.164	35.187.128.317
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	6.403	5.727

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.391.027.786.095	4.491.779.313.082
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	784.557.565.693	683.647.896.253
Các khoản dự phòng	03	53.082.363.339	42.936.679.383
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(201.663.077)	(390.948.962)
Lỗi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05	13.587.327.990	12.235.608.058
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(738.150.351.781)	(612.432.646.819)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(13.296.085.000)	(7.977.651.000)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	286.953.132.557	235.821.679.467
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	5.777.560.075.816	4.845.619.929.462
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(75.081.420.768)	(106.580.652.628)
Biến động hàng tồn kho	10	(600.009.848.785)	3.309.468.770
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	379.878.201.175	(89.570.589.604)
Biến động chi phí trả trước	12	36.760.539.972	29.075.228.514
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	150.604.109.559	(150.604.109.559)
		5.669.711.656.969	4.531.249.274.955
Tiền lãi vay và các chi phí tài chính khác đã trả	14	(306.744.653.150)	(226.368.531.574)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(682.614.892.702)	(336.494.660.239)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.013.648.867)	(88.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.678.338.462.250	3.968.297.183.142

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.469.923.979.055)	(1.134.946.239.050)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.784.546.167	23.989.791.915
Tiền chi cho vay	23	(4.085.000.000.000)	(2.132.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chi cho các khoản đầu tư khác	23	(3.752.000.000.000)	(42.700.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	3.615.000.000.000	105.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và thu hồi các khoản đầu tư khác	24	895.900.000.000	251.200.000.000
Mua lại một công ty con, tiền thuần chi ra	25	(511.583.019.206)	-
Tiền chi mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các công ty con	25	(28.815.172.375)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	122.092.343.504	99.441.361.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.211.545.280.965)	(2.830.015.086.022)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	193.460.700.000	213.452.750.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	22.549.387.230.018	17.077.918.308.831
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(20.364.621.307.169)	(15.158.706.453.498)
Tiền trả cổ tức	36	(219.040.639.500)	(2.758.135.382.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.159.185.983.349	(625.470.776.967)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.625.979.164.634	512.811.320.153
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.191.361.038.968	1.669.119.982.526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	556.238.144	638.064.939
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	61	597.868.206	8.791.671.350
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 7)	70	3.818.494.309.952	2.191.361.038.968

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Cấn trừ khoản cho vay phải thu với cổ tức phải trả	3.002.982.502.500	-

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc gia đình; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2020: 4 công ty con sở hữu trực tiếp, 14 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPLaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPLaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”)	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan HPC	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPLaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Masan Innovation	(vii) Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPLaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	-	100%	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020
Các công ty con sở hữu gián tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(i) Sản xuất gia vị	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Masan PQ	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan Long An	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Ấp 2, Xã Thạnh Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cấm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
7	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
8	Công ty Cổ phần Masan JinJu	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	Nhà máy F5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	74,99%	74,99%	74,99%	74,99%
9	Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020
10	Công ty TNHH Masan HN	(i), (vi) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, gia vị và bao bì	Lô CN-08 và CN-14, KCN Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bang, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	100%	-	100%	-
11	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	98,79%	98,49%	98,79%	98,49%
12	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	90,18%	88,56%	90,18%	88,56%
13	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	90,17%	88,55%	99,99%	99,99%
14	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,85%	65,85%	65,85%	65,85%
15	Công ty Cổ phần Café De Nam	(iv) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Lô C I.III-3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tâm An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	83,97%	83,72%	85%	85%
16	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	(v) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm chăm sóc gia đình	Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	52,25%	-	52,25%	-
17	Công ty TNHH Hi-Fresh	(viii) Kinh doanh và phân phối	Tầng 8, MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	-	100%	-
Một công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(i) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các công ty con này và công ty liên kết được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan.
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (iv) Công ty Cổ phần Café De Nam được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa.
- (v) Công ty Cổ phần Bột giặt Net được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan HPC
- (vi) Công ty TNHH Masan HN được thành lập vào ngày 5 tháng 8 năm 2020 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700841110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.
- (vii) Công ty TNHH Masan Innovation được thành lập vào ngày 9 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 031663008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- (viii) Công ty TNHH Hi-Fresh được thành lập vào ngày 14 tháng 12 năm 2020 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0316638991 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan Innovation.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 5.575 nhân viên (1/1/2020: 4.596 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...). Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong năm của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là trái phiếu được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

» nhà cửa	4 – 30 năm
» nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
» dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
» máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
» phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- » quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất;
- » quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- » quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 19 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 30 năm.

(iv) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của nhãn hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 30 năm. Giá trị hợp lý của nhãn hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu nhãn hiệu đó.

(v) Quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 15 năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 37 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- » nhà cửa 20 – 25 năm
- » cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ là 42 năm đến 50 năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(iii) Chi phí sắp xếp khoản vay

Chi phí sắp xếp khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được tính khấu hao.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay phải thu và các hoạt động đầu tư khác, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí đi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hoá chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh thành bốn bộ phận kinh doanh chính là thực phẩm, đồ uống, sản phẩm chăm sóc gia đình và các bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận Thực phẩm bao gồm gia vị và thực phẩm tiện lợi. Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê nhà kho và khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Thực phẩm (*) VND	Đồ uống (*) VND	Sản phẩm chăm sóc gia đình (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	16.236.990.127.888	5.792.463.891.997	1.305.743.684.209	7.536.777.303	23.342.734.481.397
Lợi nhuận gộp của bộ phận	6.819.280.274.383	2.745.806.065.195	349.565.095.870	4.562.704.903	9.919.214.140.351
Kết quả kinh doanh của bộ phận	4.091.945.361.963	1.414.822.519.732	25.650.193.255	4.562.704.903	5.536.980.779.853
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					(569.444.429.840)
Doanh thu hoạt động tài chính					754.808.423.442
Chi phí tài chính					(315.433.247.596)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					5.406.911.525.859
Thu nhập khác					2.151.494.345
Chi phí khác					(18.035.234.109)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(793.456.530.753)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					4.597.571.255.342



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Thực phẩm (*) VND	Đồ uống (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	12.880.154.993.002	5.596.076.690.655	11.310.152.851	18.487.541.836.508
Lợi nhuận gộp của bộ phận	5.436.802.789.396	2.516.572.339.086	4.298.394.081	7.957.673.522.563
Kết quả kinh doanh của bộ phận	3.421.156.809.143	1.233.740.545.776	4.298.394.081	4.659.195.749.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(526.117.109.979)
Doanh thu hoạt động tài chính				619.847.831.113
Chi phí tài chính				(240.140.907.448)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				4.512.785.562.686
Thu nhập khác				1.623.151.249
Chi phí khác				(22.629.400.853)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(430.101.217.071)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				4.061.678.096.011

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ là chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Kết quả kinh doanh của bộ phận Thực phẩm, Đồ uống và Sản phẩm chăm sóc gia đình bao gồm khấu hao lợi thế thương mại với số tiền là 84.507 triệu VND (2019: 68.801 triệu VND), khấu hao giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 111.588 triệu VND (2019: 99.380 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định hữu hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 3.952 triệu VND (2019: 2.304 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của bất động sản đầu tư phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 2.856 triệu VND (2019: Không) trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Thực phẩm VND	Đồ uống VND	Sản phẩm chăm sóc gia đình VND	Hợp nhất VND
Tài sản bộ phận	5.508.223.504.330	2.657.566.827.661	1.168.098.039.093	9.333.888.371.084
Tài sản không phân bổ				16.199.518.181.941
Tổng tài sản				25.533.406.553.025
Nợ phải trả bộ phận	1.245.516.882.503	509.129.738.294	342.197.039.797	2.096.843.660.594
Nợ phải trả không phân bổ				9.153.578.132.819
Tổng nợ phải trả				11.250.421.793.413
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Chi tiêu vốn	1.046.021.150.505	418.284.145.218	10.845.452.246	1.475.150.747.969
Chi tiêu vốn không phân bổ				19.204.890.324
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	377.306.766.937	137.909.650.317	21.903.196.876	537.119.614.130
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư không phân bổ				13.173.181.352
Khấu hao tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	47.645.508.530	172.338.223.663	30.066.166.192	250.049.898.385
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				36.371.516.398



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	Thực phẩm VND	Đồ uống VND	Sản phẩm chăm sóc gia đình VND	Hợp nhất VND
Tài sản bộ phận	4.083.749.822.511	2.296.906.092.277	-	6.380.655.914.788
Tài sản không phân bổ				14.088.951.397.110
Tổng tài sản				20.469.607.311.898
Nợ phải trả bộ phận	1.251.917.157.075	578.553.540.514	-	1.830.470.697.589
Nợ phải trả không phân bổ				6.232.169.566.284
Tổng nợ phải trả				8.062.640.263.873
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Chi tiêu vốn	927.074.405.715	217.885.157.004	-	1.144.959.562.719
Chi tiêu vốn không phân bổ				6.925.301.473
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	325.196.656.875	136.964.228.518	-	462.160.885.393
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ				13.251.206.371
Khấu hao tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	40.732.287.383	171.873.955.214	-	212.606.242.597
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				38.637.098.477



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các tài sản không phân bổ và các khoản nợ phải trả không phân bổ như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.818.494.309.952	2.191.361.038.968
Đầu tư tài chính ngắn hạn	212.300.000.000	193.304.109.559
Các khoản phải thu ngắn hạn thuần	2.959.815.772.943	2.279.713.485.812
Hàng tồn kho	28.942.269.523	18.913.241.302
Tài sản ngắn hạn khác	8.316.156.522	8.375.246.768
Các khoản phải thu dài hạn thuần	8.785.436.801.907	8.935.013.933.544
Tài sản cố định	97.794.178.017	143.392.635.606
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	53.188.521.918	148.438.022.492
Tài sản dài hạn khác	235.230.171.159	170.439.683.059
Tài sản không phân bổ	16.199.518.181.941	14.088.951.397.110
Phải trả người bán ngắn hạn	241.595.769.403	111.738.903.670
Người mua trả tiền trước	25.947.739.882	40.813.457.140
Thuế phải nộp Nhà nước	535.270.102.534	314.538.912.925
Phải trả người lao động	-	6.994.718
Chi phí phải trả	691.852.007.440	393.178.617.202
Phải trả ngắn hạn khác	11.550.745.860	9.509.077.737
Vay ngắn hạn	6.660.448.654.909	5.113.137.141.496
Vay dài hạn	787.689.223.375	126.321.105.544
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	199.223.889.416	122.925.355.852
Nợ phải trả không phân bổ	9.153.578.132.819	6.232.169.566.284

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. HỢP NHẤT KINH DOANH

Trong tháng 2 năm 2020, Công ty TNHH Masan HPC, một công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp, đã mua 52,25% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Bột giặt Net với tổng số tiền bao gồm chi phí giao dịch là 565.077 triệu VND. Trong giai đoạn từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động kinh doanh được mua đã đóng góp 1.264.597 triệu VND doanh thu và 110.640 triệu VND lợi nhuận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn.

Việc hợp nhất kinh doanh có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày hợp nhất kinh doanh như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm hợp nhất kinh doanh VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.493.753.066	-	53.493.753.066
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	63.500.000.000	-	63.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	48.238.103.297	-	48.238.103.297
Hàng tồn kho	126.318.193.503	-	126.318.193.503
Tài sản ngắn hạn khác	2.928.354.540	-	2.928.354.540
Tài sản cố định hữu hình, thuần	259.269.536.771	39.554.375.568	298.823.912.339
Tài sản cố định vô hình, thuần	182.791.671	360.954.434.193	361.137.225.864
Bất động sản đầu tư, thuần	11.774.005.829	6.853.968.089	18.627.973.918
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	157.600.000	-	157.600.000
Chi phí trả trước dài hạn	46.808.941.258	78.494.631.880	125.303.573.138
Phải trả người bán ngắn hạn	(195.753.332.340)	-	(195.753.332.340)
Vay ngắn hạn	(23.649.116.960)	-	(23.649.116.960)
Phải trả ngắn hạn khác	(61.108.357.044)	-	(61.108.357.044)
Phải trả dài hạn khác	(100.000.000)	-	(100.000.000)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(97.171.481.946)	(97.171.481.946)
Tổng tài sản thuần có thể xác định được từ hợp nhất kinh doanh	332.060.473.591	388.685.927.784	720.746.401.375
Phần tài sản thuần từ hợp nhất kinh doanh			376.605.427.051
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 19)			188.471.345.221
Khoản thanh toán cho việc mua lại			565.076.772.272
Khoản tiền thu được			53.493.753.066
Khoản tiền thanh toán thuần			511.583.019.206

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong nghiệp vụ mua lại hoạt động kinh doanh một công ty con phát sinh chủ yếu từ sự hợp lực mà Ban Giám đốc kỳ vọng sẽ đạt được từ việc tích hợp hoạt động của công ty được mua lại vào hoạt động kinh doanh hiện hữu của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

(a) Giao dịch với lợi ích cổ đông không kiểm soát trong Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Trong tháng 6 và tháng 7 năm 2020, Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”), một công ty con của Công ty, đã mua thêm 79.840 cổ phiếu của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”) với tổng số tiền là 17.083 triệu VND. Theo kết quả của giao dịch này, lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong VCF đã tăng từ 98,49% lên 98,79%.

Ảnh hưởng từ giao dịch với cổ đông không kiểm soát như sau:

	VND
Chi phí mua bằng tiền	17.083.287.375
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần tăng thêm	(5.367.157.242)
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 25)	11.716.130.133

(b) Giao dịch với lợi ích cổ đông không kiểm soát trong Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Trong tháng 7 năm 2020, MSB đã mua thêm 213.307 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHW”) với tổng số tiền là 11.732 triệu VND. Theo kết quả của giao dịch này, lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong VHW đã tăng từ 88,56% lên 90,18%.

Ảnh hưởng từ giao dịch với cổ đông không kiểm soát như sau:

	VND
Chi phí mua bằng tiền	11.731.885.000
Giá trị ghi sổ tương ứng của tài sản thuần tăng thêm	(15.725.646.476)
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 25)	(3.993.761.476)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	1.105.798.725	879.088.937
Tiền gửi ngân hàng	145.788.511.227	147.881.950.031
Các khoản tương đương tiền	3.671.600.000.000	2.042.600.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	3.818.494.309.952	2.191.361.038.968

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	-	150.604.109.559
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	212.300.000.000	42.700.000.000
	212.300.000.000	193.304.109.559
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	249.391.858.906	249.391.858.906

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020				1/1/2020			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu	-	-	-	-	15.000	150.604.109.559	(*)	-

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	212.300.000.000	42.700.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

	31/12/2020			1/1/2020		
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	2.659.217	32,83%	249.391.858.906	2.659.217	32,83%	249.391.858.906

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Trong năm, Tập đoàn không có giao dịch chủ yếu nào với Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex ("CLX"). Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động chính của CLX.

Biến động trong năm của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm đầu năm	249.391.858.906
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua từ công ty liên kết trong năm	13.296.085.000
Cổ tức phải thu từ công ty liên kết liên quan đến giai đoạn sau ngày mua	(13.296.085.000)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm cuối năm	249.391.858.906



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu từ bên thứ ba	259.334.909.225	223.128.886.576
Phải thu từ các bên liên quan	139.823.005.666	127.324.052.481
	399.157.914.891	350.452.939.057

Xem thêm Thuyết minh 37 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ một bên liên quan	-	605.000.000.000
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn phải thu trong vòng 12 tháng	-	1.200.000.000.000
	-	1.805.000.000.000

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn từ một bên liên quan	6.927.734.374.092	8.855.716.876.592
Phải thu trong vòng 12 tháng	-	(1.200.000.000.000)
	6.927.734.374.092	7.655.716.876.592

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm là 6,5% tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 6,5%) một năm. Các khoản cho vay này sẽ đến hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đến hạn của các khoản cho vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan		
- Lãi dự thu (*)	-	215.479.452
- Phải thu khác (**)	2.123.755.382	7.974.881.347
Các khoản đặt cọc cho hoạt động đầu tư khác (***)	2.750.000.000.000	-
Lãi dự thu từ hoạt động đầu tư khác (***)	68.347.945.202	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	7.869.546.301	4.732.801.372
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.281.518.560	23.161.263.440
Phải thu khác	26.553.395.964	22.317.221.924
	2.863.176.161.409	58.401.647.535

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lãi dự thu từ một bên liên quan (*)	1.825.025.926.859	1.266.117.523.166
Ký quỹ, ký cược dài hạn	32.676.500.956	13.179.533.786
	1.857.702.427.815	1.279.297.056.952

(*) Đây là các khoản thu nhập tiền lãi phải thu từ các khoản cho một bên liên quan vay. Xem thêm Thuyết minh 10 và Thuyết minh 37 để biết thêm thông tin.

(**) Khoản phải thu khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi có nhu cầu.

(***) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư này thể hiện số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba cam kết với Tập đoàn tỷ suất lợi nhuận tối thiểu là 6,5% mỗi năm trên số tiền đặt cọc (1/1/2020: Không).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	84.844.813.671	-	39.200.952.879	-
Nguyên vật liệu	850.755.021.672	(6.291.797.300)	514.490.943.045	(9.278.563.393)
Công cụ và dụng cụ	80.264.113.937	(7.192.136.285)	84.034.742.534	(22.655.998.920)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	270.156.261.907	-	89.589.748.640	-
Thành phẩm	539.114.185.062	(18.129.867.683)	459.594.578.664	(13.105.969.850)
Hàng hóa	48.106.216.715	-	26.235.853.109	-
	1.873.240.612.964	(31.613.801.268)	1.213.146.818.871	(45.040.532.163)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	45.040.532.163	47.778.319.380
Tăng dự phòng trong năm	71.880.679.097	49.020.733.518
Sử dụng dự phòng trong năm	(66.234.248.195)	(46.751.384.522)
Hoàn nhập	(19.073.161.797)	(5.007.136.213)
Số dư cuối năm	31.613.801.268	45.040.532.163

Bao gồm trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 31.614 triệu VND (1/1/2020: 45.041 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.622.742.662.400	59.609.724.541	82.304.143.029	4.373.999.079.308	16.475.523.888	6.155.131.133.166
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	218.191.553.855	-	887.959.633	75.487.907.649	4.256.491.202	298.823.912.339
Tăng trong năm	398.318.182	-	652.203.183	5.720.986.356	789.054.364	7.560.562.085
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	368.548.686.265	-	9.397.839.052	782.123.096.013	583.238.049	1.160.652.859.379
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(30.000.000)	-	(30.000.000)
Thanh lý	(21.308.190.981)	-	(3.835.556.049)	(50.674.120.956)	(1.557.284.000)	(77.375.151.986)
Xóa sổ	(1.670.815.657)	-	(40.000.000)	(269.835.552)	-	(1.980.651.209)
Số dư cuối năm	2.186.902.214.064	59.609.724.541	89.366.588.848	5.186.357.112.818	20.547.023.503	7.542.782.663.774
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	453.203.732.186	47.657.987.297	50.825.146.607	2.285.860.431.023	10.742.600.364	2.848.289.897.477
Khấu hao trong năm	94.702.776.024	10.451.709.071	8.853.871.533	429.763.974.861	2.410.290.635	546.182.622.124
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(1.666.666)	-	(1.666.666)
Thanh lý	(11.428.326.225)	-	(3.647.231.049)	(44.466.308.720)	(1.461.411.835)	(61.003.277.829)
Xóa sổ	(1.670.815.657)	-	(40.000.000)	(269.835.552)	-	(1.980.651.209)
Số dư cuối năm	534.807.366.328	58.109.696.368	55.991.787.091	2.670.886.594.946	11.691.479.164	3.331.486.923.897
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.169.538.930.214	11.951.737.244	31.478.996.422	2.088.138.648.285	5.732.923.524	3.306.841.235.689
Số dư cuối năm	1.652.094.847.736	1.500.028.173	33.374.801.757	2.515.470.517.872	8.855.544.339	4.211.295.739.877

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 1.007.990 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 941.930 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng VND	Nhãn hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	119.085.818.402	292.685.995.963	72.124.057.348	758.354.816.571	404.114.911.701	412.697.763.511	2.059.063.363.496
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	-	182.791.671	-	341.271.580.044	19.682.854.149	-	361.137.225.864
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.167.200.000	-	-	-	-	1.167.200.000
Số dư cuối năm	119.085.818.402	294.035.987.634	72.124.057.348	1.099.626.396.615	423.797.765.850	412.697.763.511	2.421.367.789.360
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	37.324.294.661	167.537.498.795	20.685.174.066	519.014.479.437	369.201.626.821	95.332.455.384	1.209.095.529.164
Khấu hao trong năm	3.730.881.408	35.199.388.059	3.288.166.326	76.372.634.614	9.232.333.140	21.934.668.276	149.758.071.823
Số dư cuối năm	41.055.176.069	202.736.886.854	23.973.340.392	595.387.114.051	378.433.959.961	117.267.123.660	1.358.853.600.987
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	81.761.523.741	125.148.497.168	51.438.883.282	239.340.337.134	34.913.284.880	317.365.308.127	849.967.834.332
Số dư cuối năm	78.030.642.333	91.299.100.780	48.150.716.956	504.239.282.564	45.363.805.889	295.430.639.851	1.062.514.188.373

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 14.881 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 13.093 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NẪM GIỮ ĐỂ CHO THUÊ

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	18.016.283.093	611.690.825	18.627.973.918
Số dư cuối năm	18.016.283.093	611.690.825	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	4.049.295.700	60.877.658	4.110.173.358
Số dư cuối năm	4.049.295.700	60.877.658	4.110.173.358
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	13.966.987.393	550.813.167	14.517.800.560

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2020 VND
Số dư đầu năm	561.015.382.299
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	157.600.000
Tăng trong năm	1.478.660.067.730
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.160.652.859.379)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.167.200.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(436.022.311.613)
Số dư cuối năm	441.990.679.037

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhà cửa	146.435.571.443	163.696.599.205
Máy móc và thiết bị	263.801.619.238	393.877.289.405
Khác	31.753.488.356	3.441.493.689
	441.990.679.037	561.015.382.299

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 24).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí đất trả trước VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sắp xếp khoản vay VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	81.476.843.768	18.806.226.924	74.943.826.122	-	175.226.896.814
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	123.703.379.518	-	1.600.193.620	-	125.303.573.138
Tăng trong năm	-	-	12.381.659.238	12.050.000.000	24.431.659.238
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	396.433.885.459	-	39.588.426.154	-	436.022.311.613
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	28.333.334	-	28.333.334
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	(3.684.665)	-	(3.684.665)
Phân bổ trong năm	(6.194.949.938)	(3.134.371.153)	(44.603.295.327)	(996.249.997)	(54.928.866.415)
Thanh lý	-	-	(560.789.329)	-	(560.789.329)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	(5.128.588)	-	(5.128.588)
Số dư cuối năm	595.419.158.807	15.671.855.771	83.369.540.559	11.053.750.003	705.514.305.140

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 24).

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2020		1/1/2020	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	126.810.376.489	-	78.071.356.273	-
Chi phí kho vận phải trả	28.611.176.281	-	20.249.218.279	-
Chiết khấu thương mại phải trả	17.789.645.144	-	15.300.614.186	-
Chi phí phải trả khác	38.254.962.506	-	32.633.676.221	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	18.932.257.979	-	20.926.189.646	-
Bất động sản đầu tư	-	(799.629.611)	-	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(8.836.148.725)	-	(1.715.720.897)
Tài sản cố định vô hình	-	(189.588.111.080)	-	(121.209.634.955)
	230.398.418.399	(199.223.889.416)	167.181.054.605	(122.925.355.852)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2020 VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	693.961.414.227
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	188.471.345.221
Số dư cuối năm	882.432.759.448
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	475.827.414.131
Khấu hao trong năm	84.506.698.388
Số dư cuối năm	560.334.112.519
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	218.134.000.096
Số dư cuối năm	322.098.646.929

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020	1/1/2020
	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho bên thứ ba	1.182.257.290.844	1.129.556.509.153
Phải trả cho các bên liên quan	10.249.421.831	257.149.487
	1.192.506.712.675	1.129.813.658.640
Trong đó:		
- Ngắn hạn	1.164.838.936.675	1.098.800.884.640
- Dài hạn	27.667.776.000	31.012.774.000
	1.192.506.712.675	1.129.813.658.640

Xem thêm Thuyết minh 37 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2020 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Phân loại lại VND	Khấu trừ/ hoàn lại VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	128.721.942.644	259.443.804	4.227.166.160.288	(841.671.020.296)	-	(3.368.249.455.571)	146.227.070.869
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	38.969.385.484	(38.969.385.484)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	261.235.952.132	2.815.564.977	877.546.842.929	(682.614.892.702)	600.592.551	-	459.584.059.887
Thuế thu nhập cá nhân	5.046.998.080	132.248.232	99.588.921.651	(96.341.254.628)	-	(2.348.509.194)	6.078.404.141
Các loại thuế khác	1.608.291.810	-	139.465.520.212	(139.718.691.399)	-	-	1.355.120.623
	396.613.184.666	3.207.257.013	5.382.736.830.564	(1.799.315.244.509)	600.592.551	(3.370.597.964.765)	613.244.655.520

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	658.949.341.246	399.744.128.894
Thưởng và lương tháng 13	321.075.122.257	191.561.147.482
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	157.372.988.185	106.831.303.129
Chi phí kho vận	147.682.976.585	102.587.946.588
Chiết khấu thương mại	91.373.666.721	76.503.070.931
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	58.214.183.351	29.390.765.712
Chi phí trung bày	52.874.347.636	26.709.655.659
Chi phí lãi vay	17.262.650.926	23.039.377.277
Chi phí công nghệ thông tin	15.006.398.136	19.670.592.138
Chi phí nghiên cứu thị trường	10.980.889.362	8.829.022.402
Chi phí khác	101.572.296.445	65.654.757.938
	1.632.364.860.850	1.050.521.768.150



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	11.425.954.483	9.795.063.144
Cổ tức phải trả	11.346.805.100	4.953.578.500
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	1.970.782.500	691.442.500
Phải trả khác	14.726.349.185	3.466.506.759
	39.469.891.268	18.906.590.903

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	25.234.542.936	23.977.149.720



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. VAY

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong năm			31/12/2020
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.109.181.099.998	23.649.116.960	21.762.970.757.988	(20.355.931.689.050)	264.591.435	6.540.133.877.331
Vay dài hạn đến hạn trả	3.956.041.498	-	120.314.777.578	(3.956.041.498)	-	120.314.777.578
	5.113.137.141.496	23.649.116.960	21.883.285.535.566	(20.359.887.730.548)	264.591.435	6.660.448.654.909

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngắn hạn				
- Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	2,30% - 4,55%	157.993.266.380	253.381.310.075
- Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	1,00% - 5,50%	5.809.785.415.271	4.837.845.787.523
- Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	1,70% - 4,77%	572.355.195.680	17.954.002.400
			6.540.133.877.331	5.109.181.099.998

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, khoản vay ngân hàng ngắn hạn có đảm bảo bằng VND của Tập đoàn được bảo lãnh bởi Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn	908.004.000.953	130.277.147.042
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(120.314.777.578)	(3.956.041.498)
Hoàn trả sau 12 tháng	787.689.223.375	126.321.105.544

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn					
- Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,80% - 8,00%	2025	908.004.000.953	130.277.147.042

Khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ lần lượt là 569.415 triệu VND, 59.288 triệu VND và 37.648 triệu VND (1/1/2020: tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 114.055 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của Tập đoàn được bảo lãnh bởi Công ty.

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Tập đoàn không có khoản nợ gốc và lãi quá hạn nào.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	6.279.291.230.000	4.292.501.204.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	5.398.307.899	22.731.972.844	1.962.584.222.892	224.733.821.437	10.881.212.471.803
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành (Thuyết minh 26)	30.493.250.000	182.959.500.000	-	-	-	-	-	-	213.452.750.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành (Thuyết minh 26)	919.461.560.000	(919.461.560.000)	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	4.026.490.967.694	35.187.128.317	4.061.678.096.011
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	(2.744.681.053.500)	-	(2.744.681.053.500)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(12.894.360.000)	(12.894.360.000)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	-	-	-	-	8.199.125.377	-	-	18.334	8.199.143.711
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7.229.246.040.000	3.555.999.144.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	13.597.433.276	22.731.972.844	3.244.394.137.086	247.026.608.088	12.406.967.048.025
	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	7.229.246.040.000	3.555.999.144.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	13.597.433.276	22.731.972.844	3.244.394.137.086	247.026.608.088	12.406.967.048.025
Vốn cổ phần đã phát hành (Thuyết minh 26)	38.692.140.000	154.768.560.000	-	-	-	-	-	-	193.460.700.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	4.520.298.845.178	77.272.410.164	4.597.571.255.342
Hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	-	-	-	344.140.974.324	344.140.974.324
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	(3.172.160.718.000)	-	(3.172.160.718.000)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(56.255.650.600)	(56.255.650.600)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(952.034.012)	(869.965.988)	(1.822.000.000)
Giao dịch với NCI (Thuyết minh 6(a))	-	-	-	-	-	-	(11.716.130.133)	(5.367.157.242)	(17.083.287.375)
Giao dịch với NCI (Thuyết minh 6(b))	-	-	-	-	-	-	3.993.761.476	(15.725.646.476)	(11.731.885.000)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(101.678.344)	-	-	1.240	(101.677.104)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7.267.938.180.000	3.710.767.704.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	13.495.754.932	22.731.972.844	4.583.857.861.595	590.221.573.510	14.282.984.759.612



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. VỐN CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU QUỸ VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	726.793.818	7.267.938.180.000	722.924.604	7.229.246.040.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631.255	18.000.000	1.640.252.631.255
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	708.793.818	7.087.938.180.000	704.924.604	7.049.246.040.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.710.767.704.992		3.555.999.144.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động số cổ phiếu hiện đang lưu hành trong năm như sau:

	2020		2019	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm – cổ phiếu hiện đang lưu hành	704.924.604	7.049.246.040.000	609.929.123	6.099.291.230.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	3.869.214	38.692.140.000	3.049.325	30.493.250.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	-	-	91.946.156	919.461.560.000
Số dư cuối năm – cổ phiếu hiện đang lưu hành	708.793.818	7.087.938.180.000	704.924.604	7.049.246.040.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. CỔ TỨC

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 3.172.161 triệu VND (2019: 2.744.681 triệu VND).

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng 1 năm	143.914.610.131	88.334.758.722
Trong vòng 2 đến 5 năm	141.907.277.809	57.287.781.876
Trên 5 năm	63.872.463.134	7.213.800.997
	349.694.351.074	152.836.341.595

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	369.579	8.494.776.723	1.808.028	41.783.522.492
THB	77.731.377	58.298.532.050	64.860.758	48.775.425.240
		66.793.308.773		90.558.947.732

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	597.748.937.755	320.148.956.940
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	626.786.780.685	512.013.807.783
	1.224.535.718.440	832.162.764.723



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
- Bán hàng	23.911.868.769.322	19.081.408.491.238
- Doanh thu khác	76.189.779.083	30.939.925.704
	23.988.058.548.405	19.112.348.416.942
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	581.111.282.281	570.855.433.993
- Hàng bán bị trả lại	64.212.784.727	53.951.146.441
	645.324.067.008	624.806.580.434
Doanh thu thuần	23.342.734.481.397	18.487.541.836.508

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
- Hàng đã bán	13.292.046.150.297	10.429.761.634.451
- Giá vốn khác	78.666.673.449	56.093.082.189
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	52.807.517.300	44.013.597.305
	13.423.520.341.046	10.529.868.313.945



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên liên quan vay	564.359.499.584	521.997.309.307
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư khác	173.790.852.197	90.435.337.512
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.644.346.561	6.376.361.894
Thu nhập khác	13.725.100	1.038.822.400
	754.808.423.442	619.847.831.113

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	286.495.734.730	235.821.679.467
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.025.238.148	2.916.653.025
Chi phí đi vay	457.397.827	-
Chi phí khác	10.454.876.891	1.402.574.956
	315.433.247.596	240.140.907.448

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	2.563.900.793.810	1.738.379.742.428
Chi phí kho vận	711.535.804.567	640.797.826.593
Chi phí nhân viên	451.482.981.896	341.570.052.006
Chi phí trung bày	220.334.654.390	165.437.085.533
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	47.545.066.849	43.738.653.957
Chi phí nghiên cứu thị trường	40.271.786.429	48.271.689.310
Chi phí khác	36.020.911.493	36.985.910.822
	4.071.091.999.434	3.015.180.960.649



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	397.034.844.566	383.656.017.869
Khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định và bất động sản đầu tư phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	118.396.239.116	101.683.757.256
Khấu hao lợi thế thương mại	84.506.698.388	68.800.752.948
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	73.947.994.621	71.254.406.558
Chi phí thuê văn phòng	58.993.434.376	59.450.205.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.426.153.153	46.440.299.133
Chi phí nghiên cứu và phát triển	44.054.977.317	26.873.149.711
Chi phí khác	66.521.534.367	59.232.985.193
	893.881.875.904	817.391.573.893

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	885.025.450.747	483.897.502.108
Dự phòng thừa trong những năm trước	(7.478.607.818)	(73.444.657.183)
	877.546.842.929	410.452.844.925
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(84.090.312.176)	19.648.372.146
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	793.456.530.753	430.101.217.071



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.391.027.786.095	4.491.779.313.082
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.078.205.557.219	898.355.862.616
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(299.577.610.070)	(401.087.322.818)
Ảnh hưởng của phần lãi trong một công ty liên kết	(2.659.217.000)	(1.595.530.200)
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.487.273.999	7.450.847.210
Dự phòng thừa trong những năm trước	(7.478.607.818)	(73.444.657.183)
Ảnh hưởng của khấu hao lợi thế thương mại	16.901.339.678	13.760.150.590
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	577.794.745	(13.338.133.144)
	793.456.530.753	430.101.217.071

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận tại một số công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty này có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản chênh lệch tạm thời.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là 4.520.299 triệu VND (2019: VND4.026.491 triệu VND) và số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền là 705.981.766 (2019: 703.079.973), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.520.298.845.178	4.026.490.967.694

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020 VND	2019 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm – hiện đang lưu hành	704.924.604	609.929.123
Ảnh hưởng của cổ phiếu mới phát hành trong năm	1.057.162	1.445.297
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng trong năm	-	91.705.553
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm – hiện đang lưu hành	705.981.766	703.079.973

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020 VND	2019 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.403	5.727

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2020 VND	2019 VND	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cho vay	4.085.000.000.000	2.132.000.000.000	6.927.734.374.092	9.460.716.876.592
	Khoản vay trả bằng tiền	3.615.000.000.000	105.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay	564.359.499.584	521.997.309.307	1.825.025.926.859	1.266.333.002.618
	Cổ tức đã phân phối	3.021.089.152.500	2.611.289.133.000	-	-
	Cổ tức cần trừ với khoản cho vay phải thu	3.002.982.502.500	-	-	-
	Trả cổ tức bằng tiền	18.106.650.000	2.611.289.133.000	-	-
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cổ tức nhận sau ngày mua	13.296.085.000	7.977.651.000	-	-
Các bên liên quan khác					
Công ty TNHH Masan Brewery	Bán dịch vụ	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Masan Master Brewer	Bán hàng hóa	2.567.365	1.261.868	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	70.539.287	44.454.161	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2020 VND	2019 VND	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	1.942.759.878	3.192.744	-	-
	Hàng bán bị trả lại	-	1.194.673.977	-	-
	Ứng trước tiền mua hàng	-	146.127.485	-	146.127.485
	Mua hàng hóa	14.053.884.692	1.164.332.377	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	25.552.551.615	43.899.198.611	25.103.111.299	76.560.997.745
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	68.168.660	96.562.265	-	-
	Trả lại hàng mua	-	56.122.834	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	96.100.000	41.850.264	(82.995.000)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	4.181.202.965	3.422.504.715	4.566.907.528	3.901.450.010
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Bán hàng hóa	98.618.185	32.324.909	5.480.000	6.587.800
	Phí hỗ trợ quản lý	1.874.054.697	3.516.609.673	968.269.483	1.851.733.472
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	Bán hàng hóa	12.909.091	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.016.708.669	1.072.868.060	525.670.141	565.193.852
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	Bán hàng hóa	48.218.180	32.096.545	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.058.214.817	879.568.987	547.134.612	463.338.369
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	Bán hàng hóa	2.727.273	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	305.774.592	1.121.192.828	158.544.470	590.657.722
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	Bán hàng hóa	13.818.182	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	783.660.463	884.076.132	403.572.318	465.644.364
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	Bán hàng hóa	81.883.635	40.491.636	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.066.209.157	1.386.854.782	550.479.112	730.275.716



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2020 VND	2019 VND	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	Bán hàng hóa	352.358.457	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	5.174.364.010	4.576.729.011	2.778.795.592	2.678.874.657
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	Bán hàng hóa	246.514.367	77.160.181	5.280.001	-
	Phí hỗ trợ quản lý	5.113.037.786	5.709.464.606	2.636.848.112	3.005.475.157
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ	Bán hàng hóa	63.090.908	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	2.218.852.516	2.411.943.046	1.143.397.827	1.269.531.065
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định	Bán hàng hóa	19.636.363	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.273.739.897	1.284.195.718	657.801.465	676.273.315
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	Bán hàng hóa	8.043.454	8.100.000	-	5.610.000
	Phí hỗ trợ quản lý	264.268.445	124.649.821	137.079.999	66.007.008
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	168.500.010	6.555.636	1.800.002	-
	Phí hỗ trợ quản lý	8.634.102.192	9.406.249.966	4.562.023.846	5.009.393.771
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	Bán hàng hóa	1.946.570.540	471.970.785	22.632.600	116.949.047
	Bán tài sản cố định	-	3.654.510.255	-	1.372.172.193
	Mua hàng hóa	52.469.330.268	783.539.872	(7.296.009.304)	(137.149.487)
	Mua tài sản cố định	7.542.750.000	108.194.443	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	13.624.058.876	9.777.468.782	7.564.922.630	5.856.548.984
	Trả trước tiền mua hàng	498.592.776	-	498.592.776	-
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa	22.816.576	-	25.098.232	-
	Mua hàng hóa	1.678.297.842	-	(949.631.340)	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2020 VND	2019 VND	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH 3F VIỆT	Bán hàng hóa	120.288.000	-	209.501.600	-
	Mua hàng hóa	2.097.500.000	-	(1.799.500.000)	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.364.967.124	1.366.258.009	86.774.470	75.409.765
	Phí hỗ trợ quản lý	1.273.608.625	2.762.610.442	4.439.840.974	2.992.606.068
Công ty Cổ phần Masan Blue	Bán hàng hóa	122.360.755	3.642.299.383	-	3.302.403.296
	Phí hỗ trợ quản lý	-	1.451.627.991	-	1.539.672.402
Jinju Ham Company Limited	Mua hàng hóa và dịch vụ	226.085.500	1.681.890.570	(121.286.187)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vincommerce	Bán hàng hóa	721.022.283.588	-	80.215.427.452	17.548.537.996
	Mua hàng hóa và dịch vụ	136.191.481.363	-	-	(120.000.000)
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	12.406.997.483	-	1.231.116.341	-
	Chiết khấu thanh toán và các khoản hỗ trợ bán hàng phải trả khác	3.566.107.138	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Vineco	Bán hàng hóa	117.056.817	-	-	-
	Mua hàng hóa	511.661.682	-	-	-
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	1.054.215.907	-	-	-
	Thu trước tiền hàng	168.474.203	-	(168.474.203)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	4.459.510.376	162.257.134	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	3.061.474.525	3.383.713.619	3.367.621.978	3.647.590.054
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt (*)	52.129.176.094	56.489.181.007	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản thương mại thông thường.

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không nhận khoản thù lao nào cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, thù lao, lương và tiền thưởng thực tế của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể là:

Tên	Vị trí	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Danny Le	Chủ tịch	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-
Ông Nguyễn Đăng Quang	Thành viên	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-
Ông Nguyễn Thiều Quang	Thành viên	-
Ban Giám đốc		
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	-

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Trong tháng 1 năm 2021, Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), một công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSB, đã hoàn tất việc mua thêm 17.000.000 cổ phiếu phát hành mới (tương đương 12,77% lợi ích) trong Công ty Cổ phần Café De Nam (“CDN”). Do kết quả của giao dịch này, lợi ích của Công ty trong CDN đã tăng lên từ 83,97% lên 96,59%.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

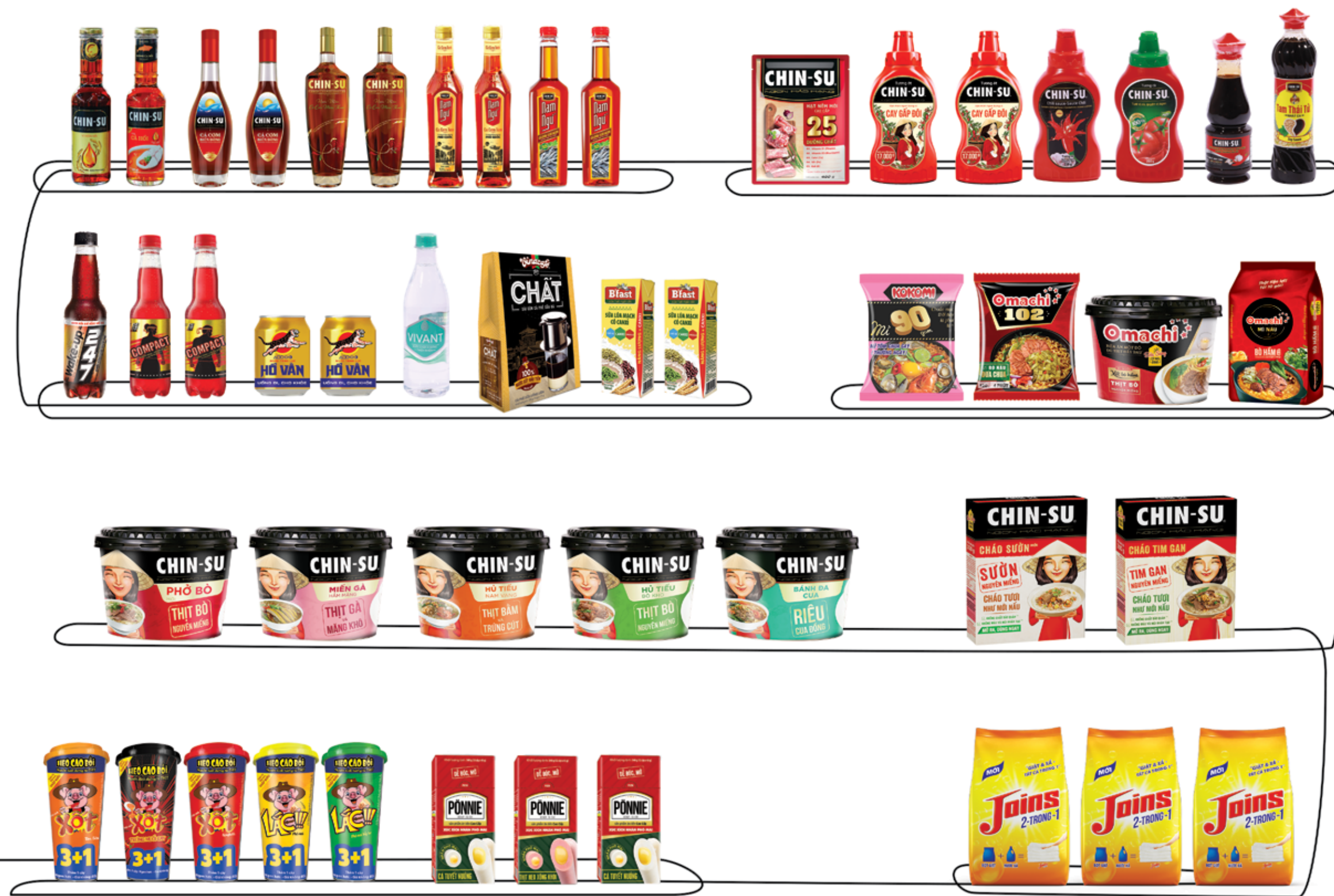
Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP



LỊCH SỬ CÔNG TY

1996

Ngày 1/4/1996: Masan đã thành lập một Công ty tại Nga để nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm thực phẩm ở thị trường Đông Âu.

Ngày 20/6/1996: Thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp – Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến, chuyên sản xuất thực phẩm chế biến và các sản phẩm ngành gia vị.

2000

Ngày 31/5/2000: Thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt, chuyên hoạt động trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu.

2003

Ngày 1/8/2003: Công ty Cổ phần Công nghiệp – Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến sáp nhập vào Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt, sau đó Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Ma San (Công ty), với tổng vốn điều lệ là 28.500.000.000 đồng.

2004

Ngày 14/6/2004: Công ty tăng vốn điều lệ lên 45.000.000.000 đồng.

2006

Ngày 20/7/2006: Công ty tăng vốn điều lệ lên 72.250.000.000 đồng.

Ngày 14/9/2006: Công ty tăng vốn điều lệ lên 85.000.000.000 đồng.

2007

Ngày 28/2/2007: Công ty tăng vốn điều lệ lên 113.395.360.000 đồng.

Ngày 25/12/2007: Công ty tăng vốn điều lệ lên 138.395.360.000 đồng.

2008

Ngày 10/5/2008: Công ty tăng vốn điều lệ lên 257.191.230.000 đồng.

Ngày 11/12/2008: Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San.

2009

Ngày 11/6/2009: Công ty tăng vốn điều lệ lên 630.000.000.000 đồng.

Ngày 1/7/2009: Công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh: Sản xuất Gia vị (không sản xuất tại trụ sở chính) và sản xuất hương liệu (trừ sản xuất hóa chất cơ bản).

Ngày 22/12/2009: Công ty thay đổi trụ sở đến Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2010

Ngày 29/9/2010: Công ty tăng vốn điều lệ lên 1.300.000.000.000 đồng.

2011

Ngày 09/3/2011: Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San.

Ngày 15/4/2011: Công ty phát hành cổ phiếu phổ thông cho KKR tương đương 10% vốn điều lệ sau phát hành.

Ngày 20/7/2011: Công ty tăng vốn điều lệ lên 2.500.000.000.000 đồng.

Ngày 17/10/2011 và ngày 4/11/2011, Công ty mua 50,25% cổ phần Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

2012

Ngày 08/6/2012: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.025.000.000.000 đồng.

Tháng 12/2012: Công ty mua thêm 2,95% cổ phần của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, nâng tổng số cổ phần nắm giữ lên 53,20%.

2013

Ngày 1/2/2013: Công ty mua thành công 24,9% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.

Ngày 6/2/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.253.409.090.000 đồng, phát hành thêm cho cổ đông chiến lược KKR tương đương 4,35% vốn điều lệ sau khi phát hành, nâng tổng số phiếu sở hữu của KKR lên 18,04%.

Ngày 27/3/2013: Công ty mua 38,61% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, nâng tổng số cổ phần nắm giữ lên 63,51%.

Ngày 1/7/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.273.359.100.000 đồng.

2014

Ngày 27/6/2014: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.313.263.220.000 đồng.

Ngày 30/12/2014: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan – công ty con của Công ty chào mua thành công 32,84% cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex.

2015

Ngày 14/1/2015: Công ty TNHH Một thành viên Thực Phẩm Masan – công ty con của Công ty mua 99,99% cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn.

Ngày 10/6/2015: Công ty thay đổi tên thành “CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN”

Ngày 6/8/2015: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.351.601.170.000 đồng.

Ngày 25/12/2015: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage – công ty con của Công ty hoàn tất mua 65% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh.

2016

Ngày 6/1/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage – Công ty con của Công ty hoàn tất việc mua thêm 20,29% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, nâng tổng số cổ phần sở hữu tại Vĩnh Hảo lên 84,23%.

Ngày 22/2/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage cũng nâng sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 60,16%.

Ngày 28/4/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage mua thêm 4,32% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, nâng tổng số cổ phần sở hữu tại Vĩnh Hảo lên 88,56%.

Ngày 23/5/2016: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa mua 85% cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN – một công ty hoạt động trong ngành hàng cà phê.

Ngày 21/6/2016: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan thành lập công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Nam Ngự Phú Quốc tại Phú Quốc.

Ngày 8/7/2016: một công ty con của Công ty là Masan Consumer (Thailand) Limited được thành lập tại Thái Lan.

Ngày 04/8/2016: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.381.601.170.000 đồng.

Tháng 10/2016: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Masan PQ lên 99,99%.

Đầu tháng 12/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 68,46% thông qua việc chào mua công khai.

2017

Ngày 2/8/2017: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.431.327.770.000 đồng

2018

Ngày 5/2/2018: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage nâng tiếp tỉ lệ sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 98,49% thông qua việc chào mua công khai.

Năm 2018, Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Sài Gòn (“SNF”) đã ký hợp tác chiến lược với Công ty Jinju Ham (“Jinju Ham”) - một công ty sản xuất thịt chế biến có thương hiệu hàng đầu Hàn Quốc. Jinju Ham đã mua 25% cổ phần của SNF thông qua đợt chào bán cổ phiếu sơ cấp và SNF sẽ được đổi tên thành “Masan Jinju”.

Ngày 26/7/2018: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.483.736.040.000 đồng.

Ngày 14/9/2018: Công ty tăng vốn điều lệ lên 6.279.291.230.000 đồng.

2019

Ngày 30/7/2019: Công ty tăng vốn điều lệ lên 6.309.784.480.000 đồng

Ngày 12/9/2019: Công ty tăng vốn điều lệ lên 7.229.246.040.000 đồng

Tháng 12/2019: Masan HPC, một công ty thành viên thuộc ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình được thành lập.

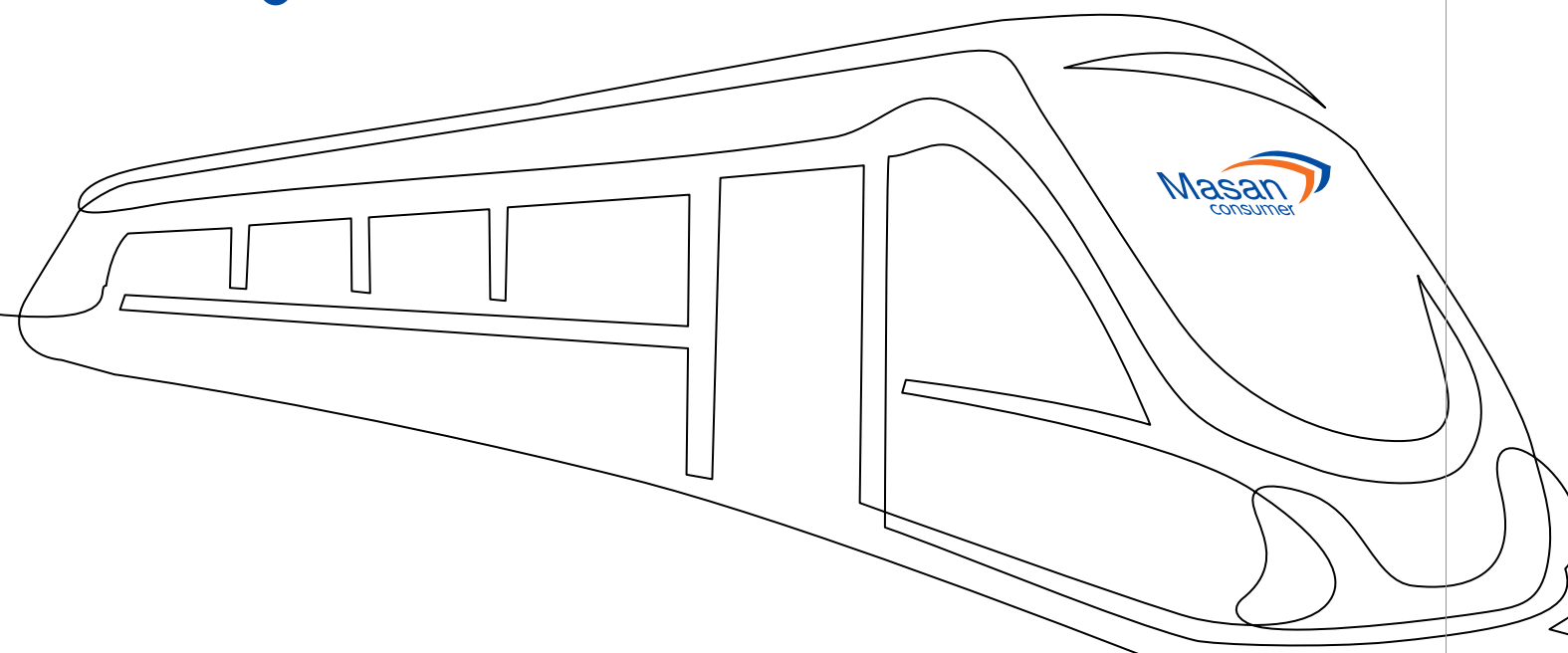
2020

Tháng 2/2020: Masan HPC đã chào mua thành công 52,25% cổ phần của Công ty cổ phần Bột giặt Net (“NETCO”). Giao dịch này nhất quán với chiến lược 5 năm của Masan nhằm mở rộng danh mục sản phẩm nhằm phục vụ thị trường gần 100 triệu dân.

Tháng 7/2020: Masan Beverage tăng tỉ lệ sở hữu tại Vinacafé Biên Hòa lên 98,79% và tại Vĩnh Hảo lên 90,18%

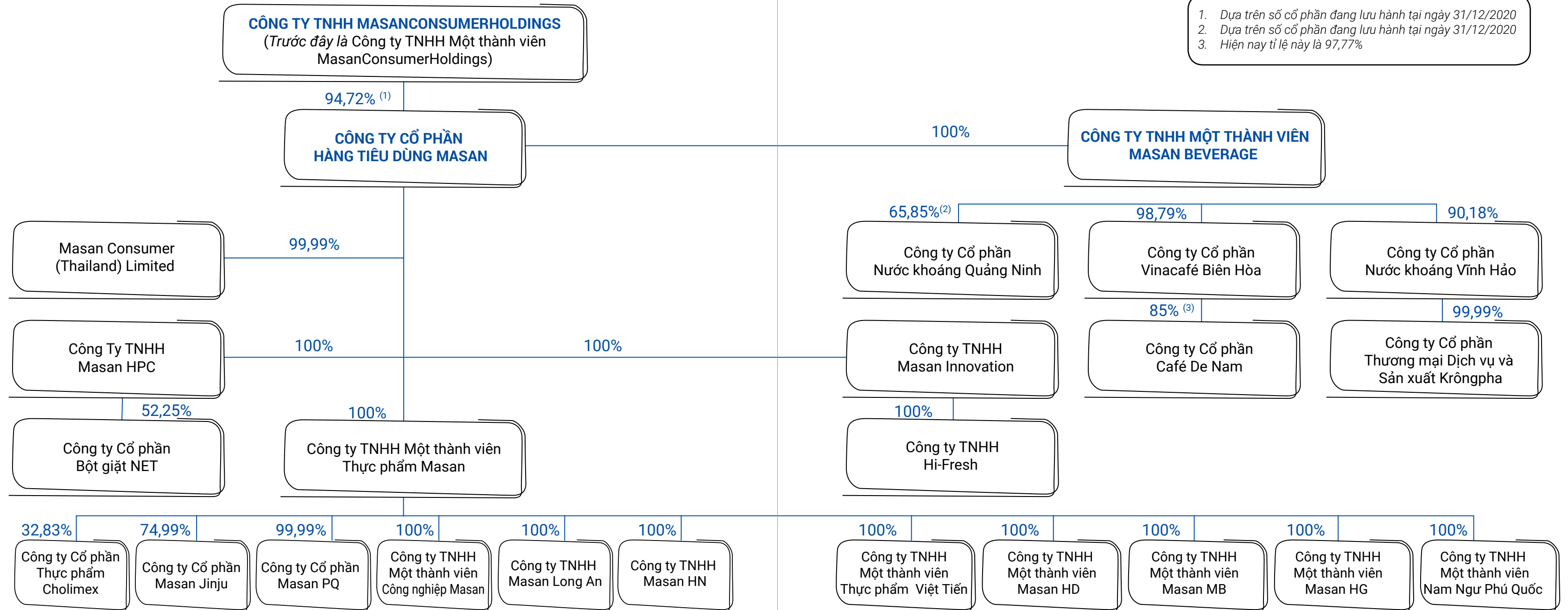
Ngày 12/10/2020: Công ty tăng vốn điều lệ lên 7.267.938.180.000 đồng.

Tháng 12/2020: Công ty đã thành lập thêm Công ty TNHH Masan Innovation và Công ty TNHH Hi-Fresh, hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ các sản phẩm hàng tiêu dùng trong các cửa hàng chuyên doanh.



CẤU TRÚC CÔNG TY

Vào ngày 31/12/2020, nếu khác ngày này thì sẽ được cung cấp thêm thông tin. Tên pháp lý đầy đủ sẽ được cung cấp tại Báo cáo tài chính kiểm toán.



1. Dựa trên số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2020
2. Dựa trên số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2020
3. Hiện nay tỉ lệ này là 97,77%

TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

BAN ĐIỀU HÀNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Danny Le

Giới tính: Nam
Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn: Đại học

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trương Công Thắng

Giới tính: Nam
Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Đại học

Nguyễn Thiệu Quang

Giới tính: Nam
Năm sinh: 1959
Trình độ chuyên môn: Đại học

Nguyễn Đăng Quang

Giới tính: Nam
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ

Nguyễn Hoàng Yến

Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Đại học

BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban Kiểm soát

Nguyễn Quỳnh Lâm

Giới tính: Nam
Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Đại học

Kiểm soát viên

Đỗ Thị Hoàng Yến

Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1983
Trình độ chuyên môn: Đại học

Đoàn Thị Mỹ Duyên

Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1985
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

BAN GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc

Ông Trương Công Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Ông Phạm Hồng Sơn

Ông Nguyễn Anh Nguyên
(từ nhiệm từ ngày 13/04/2020)

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nguồn số liệu được tính đến ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỉ lệ cổ phần sở hữu ⁽¹⁾ (%)
Danny Le	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-	-
Nguyễn Đăng Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị	30.417	0,004%
Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị	758.576	0,105%
Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị	145.776	0,02%
Trương Công Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị		

⁽¹⁾ Dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2020.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị được bầu bởi cổ đông của Công ty để giám sát các hoạt động của Công ty. Thành viên của Hội đồng Quản trị họp thường xuyên để thảo luận các quyết định chiến lược được đề xuất bởi Ban Điều hành. Hội đồng Quản trị có tối thiểu 5 thành viên và tối đa là 11 thành viên. Năm 2020, Hội đồng Quản trị có 5 thành viên.

Hội đồng Quản trị có thể họp thường kỳ hoặc bất thường tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp thường kỳ được tổ chức mỗi Quý một lần.

Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 1 phiếu biểu quyết.

Không có giao dịch giữa Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2020.

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị hoạt động không có thù lao.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành có nhiệm vụ thực thi chiến lược của Công ty và quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày. Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban Điều hành của Công ty.

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:

- » Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- » Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
- » Quyết định việc cơ cấu lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của các công ty, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;
- » Quyết định các phương án và dự án đầu tư của Công ty và các công ty con.

BAN KIỂM SOÁT

Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỉ lệ cổ phần sở hữu (%)
Nguyễn Quỳnh Lâm	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kiểm soát viên	-	-
Đỗ Thị Hoàng Yến	Kiểm soát viên	-	-

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Ban Kiểm soát của Công ty có từ 3 đến 5 thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Năm 2020, Ban Kiểm soát có 3 thành viên.

Thành viên Ban Kiểm soát phải từ 21 tuổi trở lên, không phải là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác.

Ban Kiểm soát giám sát và đảm bảo các hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty. Cụ thể, Ban Kiểm soát tham gia vào các buổi họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị và cổ đông của Công ty.

Năm 2020, Ban Kiểm soát hoạt động không có thù lao.

Không có giao dịch giữa Công ty và các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm 2020.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- » Đảm bảo các chức năng trong việc giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật; Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
- » Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020; Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- » Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, quy chế, quy trình và các văn bản khác của Công ty.
- » Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- » Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận; Tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty Kiểm toán độc lập; Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu. Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG và bảo đảm rằng các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các phương diện trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam cũng như các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật.

- » Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính sáu tháng và cả năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; Thẩm định các Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.

- » Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã họp hai lần để thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG



Tổng số cổ phần
tại ngày 31/12/2020

726.793.818
CỔ PHẦN



Tổng số cổ phần đang lưu hành
tại ngày 31/12/2020

708.793.818
CỔ PHẦN



Tổng số lượng cổ phiếu quỹ
tại ngày 31/12/2020

18.000.000
CỔ PHẦN

CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC

Cơ cấu cổ đông trong nước: 98,61%⁽¹⁾

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG LỚN

Tên cổ đông	Địa chỉ thường trú/ trụ sở chính	Nghề nghiệp/ Ngành nghề hoạt động	Số cổ phiếu	Tỷ lệ % ⁽²⁾
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM	Đầu tư	671.353.145	94,72%

CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

Cơ cấu cổ đông nước ngoài: 1,39%⁽¹⁾

Không có cổ đông lớn nước ngoài

⁽¹⁾ Dựa trên danh sách cổ đông chốt gần nhất ngày 11/8/2020 và tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2020.

⁽²⁾ Dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2020.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG BÁO CÁO

Theo quy định, tài liệu này sẽ được xem là Báo cáo thường niên chính thức của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan cho năm tài chính 2020. Để biết thêm thông tin về Công ty của chúng tôi, vui lòng tham khảo Báo cáo thường niên chính thức của Tập đoàn Masan, sẽ được công bố trên website của Tập đoàn Masan và Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Tất cả các nhận định hoặc phát biểu trong quyển báo cáo này không phải là những dữ liệu ghi lại các sự kiện đã xảy ra, mà trong đó có bao hàm những “nhận định về tương lai”. Những nhận định này có thể có những từ ngữ như “dự đoán”, “tin tưởng”, “có thể”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “kế hoạch”, “nhằm đến”, “sẽ” hoặc những từ ngữ tương tự. Tuy nhiên, đây không phải là những dấu hiệu duy nhất để xác định và nhận biết chúng. Toàn bộ các bài viết dự đoán về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch và triển vọng đều được xem là những nhận định về tương lai. Ngoài ra, chúng còn bao gồm cả những bài viết về chiến lược kinh doanh, triển vọng doanh thu và lợi nhuận (bao gồm, nhưng không giới hạn những dự phóng hoặc dự báo về tài chính hoặc hoạt động kinh doanh), dự án đã lên kế hoạch và các vấn đề khác trong tài liệu này mà không phải là những dữ kiện đã xảy ra. Những nhận định về tương lai và dự báo được trình bày trong báo cáo cũng tùy

thuộc vào những rủi ro xác định và không xác định, những bất trắc nhất định và các yếu tố khác vốn có thể khiến kết quả tài chính, hiệu quả kinh doanh hoặc thành tích thực tế hoàn toàn khác biệt so với những nhận định về tương lai hoặc dự báo đó.

Những nhận định về tương lai này dựa trên niềm tin và giả định được chúng tôi xây dựng từ những thông tin có sẵn. Triển vọng của Masan Consumer chủ yếu dựa trên diễn giải của chúng tôi về các yếu tố kinh tế quan trọng có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và các doanh nghiệp của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi tin rằng các giả định nền tảng của những nhận định về tương lai là hợp lý trong thời điểm hiện tại, nhưng bất kỳ giả định nào cũng đều có thể sai lệch trong thực tế khiến cho những nhận định về tương lai dựa trên giả định đó trở nên thiếu chính xác. Kết quả thực tế có thể sai biệt đáng kể so với những thông tin trong nhận định về tương lai do nhiều yếu tố, đa phần nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Do đó, các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào những nhận định về tương lai được trình bày trong báo cáo này. Chúng chỉ có hiệu lực vào ngày lập báo cáo hoặc ngày tương ứng được nêu trong báo cáo, và Masan Consumer không có nghĩa vụ cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới hoặc những sự kiện tương lai.

LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Tên tiếng Anh	MASAN CONSUMER CORPORATION
Tên viết tắt	MSC hoặc MASAN CONSUMER CORP.
Trụ sở chính	Tầng 12, Toà nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	+84 902 662 660
Fax	+84 28 3810 9463
Website	www.masanconsumer.com
Mã số thuế	0302017440
Vốn điều lệ	7.267.938.180.000 VND (Bảy ngàn hai trăm sáu mươi bảy tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng).

ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ/ TỪ VIẾT TẮT

CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CDN	: Công ty Cổ phần Cà phê De Nam
Cholimex	: Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex
CP	: Cổ phần
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
HDQT	: Hội đồng Quản trị
HORECA	: Điểm bán hàng tại khách sạn, nhà hàng và căn tin
HR	: Bộ phận nhân sự
Masan hay Công ty	: Thuật ngữ chung nói về Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, bao gồm Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Masan Consumer hay MSC	: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Masan Consumer Holdings	: Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
MNC	: Công ty đa quốc gia
MTV	: Một thành viên
NETCO	: Công ty Cổ phần Bột giặt Net
Nước khoáng Quảng Ninh	: Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
R&D	: Nghiên cứu và phát triển sản phẩm
SG&A	: Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
CAGR	: Tăng trưởng kép
Tập đoàn hay Công ty	: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
TGD	: Tổng Giám đốc
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
USD	: Đô la Mỹ
Vinacafé Biên Hòa	: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Vinacafé	: Thương hiệu cà phê của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Vĩnh Hảo	: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Masan Jinju	: Liên doanh giữa Công ty SNF và Công ty Jinju Ham (Hàn Quốc)
VCM	: Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM
VND	: Đồng Việt Nam
HPC	: Hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon,
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
T: +84 902 662 660
F: +84 28 3810 9463

www.masanconsumer.com